

ĐỒ SỨ TRUNG QUỐC THỜI TỐNG TẠI HOÀNG THÀNH THĂNG LONG: DÒNG GỐM VÀ SỰ GIAO THOA CÔNG NGHỆ

BÙI MINH TRÍ*

Tóm tắt:

Bài viết công bố những phát hiện quan trọng về sưu tập đồ sứ Trung Quốc thời Tống phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long (Việt Nam) với một số lượng di vật lớn phản ánh diện mạo đời sống hoàng cung và mạng lưới giao thương Đông Á thế kỷ XI-XIII. Thông qua phương pháp khảo cổ học thực chứng đối soát với các sưu tập quốc tế, nghiên cứu đã giải mã nguồn gốc di vật đến Thăng Long từ 12 hệ thống lò lớn thuộc 7 trung tâm sản gốm nổi tiếng của Trung Hoa, tiêu biểu là các tuyệt phẩm từ "Ngũ đại danh điều" (Nhữ, Quan, Ca, Quân, Định).

Kết quả nghiên cứu xác lập một luận điểm mới: Sự hiện diện của những dòng đồ sứ "Quan dụng" phẩm cấp cao nhất tại Thăng Long không chỉ đơn thuần là kết quả của thương mại mậu dịch, mà còn là minh chứng cho mối quan hệ ngoại giao, bang giao đặc biệt cấp cao giữa vương triều Lý và vương triều Tống. Đặc biệt, bằng dữ liệu định lượng hóa quang phổ về thành phần xương và men (hàm lượng SiO_2 , Al_2O_3 và kỹ nghệ men kiềm vôi), tác giả lần đầu tiên khẳng định bước ngoặt tự chủ công nghệ của Đại Việt: việc sản xuất thành công "đồ sứ đích thực" đạt ngưỡng nhiệt trên 1.250°C có chất lượng tương đương đồ sứ lò Hồ Điền (Cảnh Đức Trấn).

Công trình góp phần vén mở lớp sương mù lịch sử về sự tiếp biến kỹ nghệ và bản lĩnh sáng tạo của thợ gốm Thăng Long trong "sự tiếp biến sáng tạo" tinh hoa phương Bắc dưới tâm thức Phật giáo. Những kiến giải này không chỉ định vị lại vị thế của gốm sứ Việt Nam mà còn khẳng định Thăng Long là một trung tâm quyền lực chính trị - văn hóa năng động, có sự giao thoa mật thiết với các đỉnh cao văn minh khu vực đương thời.

Từ khóa: Hoàng thành Thăng Long; Gốm sứ Trung quốc thời Tống; Đồ sứ thời Lý; Quan hệ ngoại giao triều Lý - Tống; Phân tích hóa quang phổ; Giao thoa công nghệ và tiếp biến văn hóa.

Abstract:

This paper presents significant new findings on the collection of Chinese Song-dynasty porcelain unearthed at the Thăng Long Imperial Citadel (Vietnam), comprising a substantial corpus of artifacts that illuminate the character of courtly life and the East Asian trade network between the eleventh and thirteenth centuries. Through an empirical archaeological approach and comparative analysis with international collections, the study identifies the provenance of these ceramics, tracing

* Viện Khảo cổ học

Ngày nhận bài: 03/3/2026; Ngày gửi phản biện: 31/3/2026; Ngày duyệt đăng: 28/5/2026.

them to twelve major kiln systems associated with seven renowned ceramic production centers in China, including masterpieces from the celebrated “Five Great Kilns” (Ru, Guan, Ge, Jun, and Ding).

The research advances a new interpretation: The presence at Thăng Long of the highest-grade imperial-use porcelains (Quan yong) cannot be explained solely through commercial exchange, but should also be understood as material evidence of a particularly close diplomatic relationship between the Lý and Song courts. More importantly, through quantitative spectroscopic analyses of ceramic bodies and glazes-including measurements of SiO_2 and Al_2O_3 content, as well as the characterization of lime-alkaline glaze technology-the author demonstrates for the first time a decisive breakthrough in the technological autonomy of Đại Việt. Local potters successfully produced “true porcelain” fired at temperatures exceeding $1,250^\circ\text{C}$, achieving a quality comparable to that of porcelains from the Hutian kilns of Jingdezhen.

This study sheds new light on the historical processes of technological transmission and innovation, revealing the creative agency of Thăng Long potters in adapting and transforming northern ceramic traditions within a Buddhist cultural milieu. These findings not only redefine the position of Vietnamese ceramics in the broader history of East Asian ceramic production but also reaffirm Thăng Long’s status as a dynamic political and cultural center closely connected to the foremost civilizations of its time

Keywords: Thăng Long Imperial Citadel; Chinese Song-dynasty ceramics; Lý-dynasty porcelain; Lý-Song diplomatic relations; spectroscopic analysis; technological interaction and cultural adaptation.

1. Mở đầu

Lịch sử nhận diện gốm sứ thời Tống tại kinh đô Thăng Long là một tiến trình trải dài hơn một thế kỷ, khởi nguồn từ những đợt quy hoạch đô thị của người Pháp tại khu vực Ba Đình vào đầu thế kỷ XX. Những sưu tập di vật quý hiếm phát lộ trong giai đoạn này, tiêu biểu là sưu tập *Clement Huet* hiện lưu giữ tại Bảo tàng Guimet (Paris), đã sớm được định danh chung dưới thuật ngữ “Gốm Tống” (*Céramique des Sung*). Tuy nhiên, dưới nhãn quan khảo cổ học sơ khởi thời kỳ đó, khái niệm này vẫn còn tồn tại sự trộn lẫn mơ hồ giữa đồ sứ Trung Hoa đích thực và đồ gốm cao cấp của Việt Nam thời Lý. Trong suốt một thế kỷ kế tiếp, vấn đề phân định nguồn gốc và nhận diện các dòng gốm Tống tại Thăng Long gần như bị bỏ ngỏ, thiếu vắng những khảo sát hệ thống dựa trên thực chứng khoa học chuyên sâu.

Bước ngoặt mang tính lịch sử chỉ thực sự bắt đầu vào những năm đầu của thế kỷ XXI, khi khu di tích Hoàng thành Thăng Long được khai quật với quy mô lớn nhất trong niên biểu khảo cổ học Việt Nam (2002-2004). Trên diện tích 19.000m^2 tại khu vực 18 Hoàng Diệu, các nhà khảo cổ đã phát lộ một quần thể di tích kiến trúc cung điện, lầu gác thời Lý, Trần, Lê xếp chồng lên nhau trong một địa tầng văn hóa ổn định, sâu tới 3-4m. Tại đây, trong không gian của các rãnh thoát nước, nền móng cung điện và đặc biệt là các hố rác nhà bếp cung đình, hơn 38.000 hiện vật gốm sứ Trung Quốc thời Tống (960-1279) đã được tìm thấy. Các đợt khai quật tiếp sau tại khu vực xây dựng Nhà Quốc hội (2008-2009) và Vườn Hồng tiếp tục cung cấp những bằng chứng thực chứng

quan trọng, khẳng định sự hiện diện đậm đặc của đồ sứ Tống ngay tại "vùng lõi" của trung tâm quyền lực Đại Việt vào thời Lý (1010-1225).

Kho tàng tư liệu lớn đồ sứ này không chỉ cho phép tái định nghĩa vị thế của kinh đô Thăng Long trong mạng lưới giao lưu gốm sứ Đông Á, mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc giải mã "mã di truyền" công nghệ và những ẩn số về ngoại giao vương triều. Sự xuất hiện của các dòng đồ sứ "Quan dụng" phẩm cấp cao nhất từ các lò danh tiếng như Định Diêu, Hồ Điền, Diêu Châu hay Long Tuyền chính là những "thông điệp vật chất" phản ánh mối bang giao mật thiết và đẳng cấp sinh hoạt cung đình tương đồng giữa hai triều đại Lý và triều đại Tống.

Nghiên cứu này, thông qua phương pháp tiếp cận theo "dòng gốm" và đối soát định lượng, hướng tới việc bóc tách các đặc trưng kỹ nghệ của 12 hệ thống lò nung tiêu biểu. Từ đó, bài viết không chỉ luận giải về sự giao thoa công nghệ xuyên biên giới mà còn làm cơ sở khoa học để khẳng định bước ngoặt tự chủ vĩ đại của Đại Việt. Đó là giai đoạn mà thợ gốm Thăng Long, bằng tài năng tiếp biến tinh hoa dòng gốm Tống, đã sáng tạo nên những sản phẩm "đồ sứ đích thực" mang bản sắc độc lập của văn hóa cung đình mang đậm màu sắc Phật giáo thời Lý, biến Kinh đô Thăng Long trở thành một trung tâm tái sáng tạo công nghệ năng động bậc nhất khu vực trong lịch sử.

2. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguồn tư liệu

Nguồn tư liệu cốt lõi của nghiên cứu là sưu tập di vật đồ sứ Tống được phát hiện qua các đợt khai quật khảo cổ học tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long (18 Hoàng Diêu, Nhà Quốc hội và Vườn Hồng). Trong đó, riêng tại khu 18 Hoàng Diêu và khu vực Nhà Quốc hội, số lượng thống kê lên tới 38.257 hiện vật khảo cổ. Đây là sưu tập đồ sứ Tống tập trung lớn nhất từng được phát hiện trong bối cảnh cung đình tại Đông Nam Á, bao quát đầy đủ các dòng men tiêu biểu từ các lò danh tiếng ở cả miền Bắc và miền Nam Trung Quốc có niên đại từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIII.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Tiến trình nghiên cứu được thực hiện dựa trên sự kết hợp giữa phương pháp loại hình học truyền thống và các kỹ thuật phân tích hóa lý hiện đại nhằm thiết lập hệ thống định danh nguồn gốc một cách khách quan. Trước hết, thông qua phương pháp loại hình học, các tiêu chí về đặc điểm xương gốm, sắc độ men, kỹ thuật tạo tác như chuốt tay, in khuôn, khắc chìm cùng hệ thống đồ án hoa văn được phân tích và đối soát trực tiếp với các tiêu bản tại các di chỉ lò nung tiêu biểu ở Trung Quốc, bao gồm lò Định (Hà Bắc), lò Hồ Điền (Giang Tây), lò Diêu Châu (Thiểm Tây), lò Long Tuyền (Chiết Giang) và hệ thống các lò nung tại Phúc Kiến, Quảng Đông. Để gia tăng hàm lượng thực chứng và giải quyết những giới hạn của quan sát cảm quan, nghiên cứu đặc biệt chú trọng ứng dụng phương pháp phân tích hóa quang phổ định lượng (EDXRF) nhằm xác định "vân tay công nghệ" thông qua thành phần hóa học của xương gốm. Trọng tâm của quá trình này là việc so sánh các chỉ số oxit chính như Silica (SiO_2), Alumina (Al_2O_3) và Canxi oxit (CaO). Trong đó, việc xác lập hàm lượng Alumina đạt tỷ lệ cao ($\text{Al}_2\text{O}_3 > 30\%$) trong đồ sứ trắng Thăng Long - một đặc tính tiêu biểu của gốm sứ phương Bắc Trung Quốc - được sử dụng như một chỉ dấu công nghệ then chốt. Cách tiếp cận này không chỉ cho phép phân định rõ ràng giữa đồ sứ Tống đích thực và đồ phỏng chế

tại Thăng Long, mà còn là cơ sở khoa học để luận giải về quá trình tiếp biến, giao thoa và khẳng định sự tự chủ công nghệ của thợ gốm Thăng Long thời Lý.

3. Kết quả nghiên cứu dòng gốm thời Tống tại Hoàng thành Thăng Long

Sưu tập đồ gốm sứ Trung Quốc thời Tống tại Hoàng thành Thăng Long chiếm vị trí quan trọng thứ hai sau đồ gốm Việt Nam thời Lý với tổng số 38.322 hiện vật (bao gồm 276 hiện vật nguyên dáng, 9.693 mảnh miệng, 13.112 mảnh thân và 12.581 mảnh đáy). Đặc trưng tiêu biểu của sưu tập này là dòng gốm đơn sắc với ba dòng men chủ đạo: men trắng, men ngọc và men nâu; trong đó gốm men trắng và men ngọc chiếm ưu thế về số lượng lẫn loại hình. Dù đa dạng về phẩm cấp và nguồn gốc lò sản xuất, các hiện vật này chủ yếu phục vụ đời sống sinh hoạt nội cung, phản ánh sự tương đồng sâu sắc với đồ gốm thời Lý về kiểu dáng và kỹ thuật chế tác.

Chính sự tương đồng này đã đặt ra thách thức thực tiễn trong công tác chỉnh lý: Việc nhận diện chính xác gốm Tống là điều kiện tiên quyết để phân tách và làm sáng tỏ đặc trưng gốm Lý, và ngược lại. Thông qua phương pháp tiếp cận hệ thống và sự phối hợp liên ngành với các chuyên gia gốm sứ Trung Quốc, chúng tôi đã nghiên cứu phân định thành công nguồn gốc lò và niên đại tương đối (Bắc Tống - Nam Tống) của sưu tập. Kết quả này không chỉ xác lập giá trị tự thân của di vật mà còn là mắt xích quan trọng để lý giải sâu sắc hơn bối cảnh lịch sử, quan hệ bang giao và dòng chảy giao thoa văn hóa giữa Thăng Long - Đại Việt với triều Tống trong lịch sử.

3.1. Dòng gốm men trắng

Trong hệ thống đồ sứ thời Tống phát lộ tại Hoàng thành Thăng Long, gốm men trắng là dòng gốm chiếm vị thế áp đảo tuyệt đối về cả số lượng lẫn giá trị biểu tượng cho đẳng cấp sinh hoạt Hoàng gia Đại Việt thế kỷ XI-XIII. Số liệu thống kê định lượng từ các cuộc khai quật tại khu di tích 18 Hoàng Diệu và Nhà Quốc hội đã xác lập một khối lượng lớn với 27.155 hiện vật, bao gồm 90 hiện vật nguyên dáng, 8.735 mảnh miệng, 9.183 mảnh thân và 9.079 mảnh đáy. Trên cơ sở phân loại hình thái học tỉ mỉ, chúng tôi đã nhận diện 13 loại hình cơ bản, tiêu biểu là: bát, đĩa, chén, cốc, nắp, âu, lọ, hộp, ấm, bình, tước và đĩa đèn. Sự phong phú về kiểu dáng và sắc độ men này không chỉ phản ánh nhu cầu tiêu dùng đặc biệt cao cấp mà còn là minh chứng cho một hệ thống tiêu chuẩn mỹ học thanh nhã, vốn là dòng chảy chủ đạo trong đời sống cung đình phương Đông đương thời.

Việc nghiên cứu dòng gốm men trắng tại Thăng Long không dừng lại ở công tác thống kê loại hình, mà quan trọng hơn, đó là tiến trình giải mã "mã di truyền" công nghệ và xác lập bản đồ nguồn gốc di vật qua từng hệ thống lò nung cụ thể. Kết quả nghiên cứu thực chứng dựa trên đặc trưng xương gốm, kỹ thuật tạo tác chân đế và đồ án hoa văn đã cho phép định danh chính xác sưu tập này đến từ các trung tâm sản xuất tinh hoa nhất trải dài trên năm đơn vị địa lý trọng điểm của Trung Quốc: từ vùng Hà Bắc (lò Hình, lò Định) ở phía Bắc; vùng Giang Tây (lò Hồ Điền, lò Lạc Mã Kiều) ở miền Trung; đến các vùng duyên hải Quảng Đông (lò Tây Thôn, lò Bút Giá Sơn), Phúc Kiến (lò Chương Bình, lò Đức Hóa) và vùng nội địa Hồ Bắc (lò Thanh Sơn - Hồ Tứ).

Sự hiện diện đậm đặc và đa dạng của các dòng gốm men trắng từ nhiều vùng lò khác nhau tại Thăng Long đã phác họa nên một "hệ sinh thái" giao thương và ngoại giao phức hợp. Nếu các sản phẩm lò Định, lò Hồ Điền đóng vai trò là mẫu mực công nghệ "Quan dụng" ảnh hưởng trực tiếp đến sự ra đời của đồ sứ trắng thời Lý, thì các dòng gốm từ Quảng Đông hay Hồ Bắc lại minh chứng cho mạng lưới cung ứng năng động và phổ quát của kinh đô Thăng Long trong dòng chảy thương mại

châu Á. Chính từ sự thấu hiểu sâu sắc đặc trưng của từng vùng lò này, chúng ta mới có đủ cơ sở khoa học để luận giải về bước ngoặt tự chủ công nghệ của thợ gốm Thăng Long - những người đã tiếp biến kỹ thuật ngoại nhập để tạo nên một diện mạo riêng biệt, tinh mỹ cho gốm sứ cung đình Đại Việt.

3.1.1. Hệ thống lò gốm vùng Hà Bắc (Lò Hình và Lò Định)

Trong hệ thống đồ sứ Trung Quốc thời Tống phát lộ tại Hoàng thành Thăng Long, những di vật có nguồn gốc từ vùng Hà Bắc được đánh giá là những phát hiện quan trọng và quý giá nhất, đại diện cho đỉnh cao của kỹ nghệ sản xuất bạch từ (sứ trắng) phương Bắc. Nghiên cứu thực chứng tại Thăng Long cho thấy một sự tiếp nối thú vị về công phẩm và hàng hóa cao cấp thông qua sự hiện diện của hai hệ thống lò lừng danh: lò Hình - biểu tượng của sứ trắng thời Đường, và lò Định - "ngôi sao" sáng nhất trong Ngũ đại danh diêu thời Tống.

Hệ thống lò Hình (Xing diêu), tọa lạc tại huyện Nội Khâu và Lâm Thành (tỉnh Hà Bắc), vốn nổi tiếng từ thời Đường với phẩm chất "trắng như tuyết". Tại Thăng Long, phân loại chi tiết đã xác lập sự hiện diện của các loại bát, đĩa men trắng thuộc lò Hình, cho thấy ngay từ giai đoạn sớm, kinh đô Đại Việt đã tiếp nhận những sản phẩm tinh hoa nhất từ trung tâm sản xuất này. Việc tìm thấy gốm lò Hình tại Thăng Long bên cạnh gốm lò Định không chỉ minh chứng cho quy mô giao thương bền vững mà còn gợi mở về sự kế thừa các nguồn cung ứng đồ sứ cao cấp xuyên suốt các vương triều.

Tuy nhiên, chiếm vị thế chủ đạo và đặc sắc hơn cả là sản phẩm của hệ thống lò Định (Ding diêu), nằm trong khu vực thuộc Định Châu quân hạt thời Đường - Tống (nay thuộc thành phố Định Châu, tỉnh Hà Bắc). Các cuộc khai quật tại Định Châu cho thấy, từ đầu triều đại Bắc Tống, lò Định đã vươn lên thay thế vai trò của lò Hình để trở thành trung tâm sản xuất sứ trắng lừng danh nhất phương Bắc. Gốm lò Định đạt đến đỉnh cao bởi màu sắc tinh tế và hình thức tao nhã, thai cốt mỏng nhẹ, xương cứng chắc, độ thấu quang vừa phải cùng sắc men trắng ngà hay trắng kem mịn mượt. Danh tiếng của gốm lò Định nhờ đó nhanh chóng được lan tỏa, đạt đến mức được chọn làm quà tặng của địa phương cho triều đình. Đến giữa thời Tống, với phẩm chất tinh tú, nhiều loại gốm chất lượng cao của lò Định được chọn dùng trong cung đình.

Sưu tập gốm lò Định tìm thấy tại Hoàng thành Thăng Long, mặc dù số lượng không nhiều, nhưng đều thuộc dòng cao cấp nhất, tiêu biểu là các mảnh bát, đĩa trang trí văn in khuôn (molded) hoặc khắc chìm (incised) tinh xảo. Đặc sắc nhất là mảnh đĩa nhỏ in hình giao long uốn lượn kiểu văn dây lá cuốn với đường nét mảnh mai như sợi chỉ, phản ánh sự chuyển hóa và vay mượn thẩm mỹ từ đồ kim loại cung đình. Đặc trưng kỹ thuật độc đáo của tiêu bản này là dấu vết 5 mấu chân kê rất nhỏ dưới lòng đĩa; lớp men trắng ngà phủ kín đáy và vành chân đế được cạo men vô cùng điêu luyện (Hình 1). Bên cạnh chiếc đĩa hiếm quý này, tại Hoàng thành Thăng Long còn tìm thấy những mảnh vỡ nhỏ của loại đĩa men trắng ngà hay trắng phớt xanh da trời kiểu *Qingbai*, trong lòng in khuôn văn dây lá với đường nét tinh xảo và giàu tính mỹ thuật. Nghiên cứu so sánh cho thấy, đây là những mảnh vỡ của loại đĩa nhỏ sâu lòng, trang trí hoa văn dây cuốn gồm hoa sen và hoa mẫu đơn, đôi khi kết hợp với hình trẻ em và một số động vật đơn giản như vịt và cá. Đường nét họa tiết hoa văn được tạo tác sắc nét, lưu loát, sống động và giàu tính hiện thực. Đây là những sản phẩm đại diện cho tiêu chuẩn đồ sứ cao cấp của lò Định, khẳng định vị thế đẳng cấp của dòng đồ sứ "Quan dụng"

(Official ware) chuyên phục vụ tầng lớp quý tộc. Việc sử dụng khuôn in đã mở ra một phương thức chuẩn hóa nghệ thuật trang trí hoa văn phức tạp trên đồ sứ thời Tống, nâng giá trị của nó trở thành sản phẩm có tính nghệ thuật và vị thế xã hội cao.

Theo các nhà nghiên cứu Trung Quốc, kỹ thuật in khuôn của gốm lò Định bắt đầu được sử dụng vào cuối thế kỷ XI (Trung kỳ Bắc Tống), thay thế phương pháp chạm khắc hay khắc hoa (Ding ware 2016). Đáng lưu ý là vành mép miệng của một số mảnh đĩa trang trí văn khuôn in được cao men và có màu ô xít sắt, tạo nên đặc trưng "mangkou" (miệng sập). Dấu vết kỹ thuật này cho thấy chúng được nung bằng kỹ thuật úp miệng (inverted firing), vốn được xem là phát minh quan trọng của thợ gốm lò Định. Kỹ thuật này sau đó đã lan truyền đến nhiều trung tâm sản xuất gốm sứ khác, bao gồm cả hệ thống lò Hồ Điền (Cảnh Đức Trấn). Đi cùng với phát minh này là những sáng tạo về loại bao nung bậc (stepped-ring saggers), tạo ra không gian xếp nung đa tầng, giúp tối ưu hóa khối lượng sản xuất. Phương pháp xếp nung úp miệng, hay còn gọi là xếp chồng, thiết lập sự chuẩn hóa về chỉ số kích thước của các loại bát đĩa, đồng thời dẫn đến những thay đổi tất yếu về kỹ thuật tạo dáng chân đế: các tiêu bản thường có chân đế nhỏ và thấp hoặc rất thấp.



**Hình 1. Gốm men trắng lò Định
(Hà Bắc), thời Bắc Tống**
(Nguồn: Bùi Minh Trí)

Từ nghiên cứu này cho thấy, các loại đĩa tìm thấy ở Hoàng thành Thăng Long đều được sản xuất trong giai đoạn Bắc Tống (khoảng thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XII) và phản ánh đầy đủ những đặc trưng điển hình của đồ sứ cao cấp lò Định. Đây là những đồ sứ có chất lượng cao thường dành cho tầng lớp thượng nhân giàu có, học giả văn nhân, hoặc là đồ sứ triều cống. Có thể nói, sự lừng danh của gốm lò Định đối với các học giả Việt Nam chủ yếu được biết đến qua các ấn phẩm hơn là qua các bằng chứng khảo cổ thực địa. Tại Việt Nam, đồ sứ lò Định hiện mới chỉ được phát hiện duy nhất tại Hoàng thành Thăng Long. So sánh với các báo cáo khảo cổ học từ Philippines hay Hồng Kông, nơi gốm sứ Tống phổ biến là dòng đồ xuất khẩu dân dụng từ Quảng Đông (Tây Thôn, Triều Châu, Hồ Tứ) hay Phúc Kiến và Chiết Giang (Sharon Wai Yee Wong 2020; Rita C. Tan 2017), việc phát hiện đồ sứ lò Định cao cấp tại Thăng Long mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Số lượng hạn chế và chất lượng vượt trội của sưu tập này củng cố giả thuyết về các vật phẩm bang giao (diplomatic gifts) giữa hai triều đại Lý - Tống. Đáng lưu ý hơn nữa, nghiên cứu so sánh cho thấy gốm Lý Việt Nam đã có sự tiếp biến công nghệ rõ rệt, đặc biệt là kỹ thuật tạo dáng và chân đế, vốn chịu ảnh hưởng không chỉ từ dòng Qingbai Hồ Điền mà còn từ chính kỹ nghệ men trắng ngà của hệ thống lò Định.

3.1.2. Hệ thống lò gốm vùng Giang Tây (Hồ Điền và Lạc Mã Kiều)

Phát hiện quan trọng thứ hai về đồ sứ Trung Quốc thời Tống tại Hoàng cung Thăng Long là dòng đồ sứ men trắng có nguồn gốc từ vùng Giang Tây, với trọng tâm là hệ thống lò Hồ Điền và Lạc Mã Kiều. Việc nghiên cứu hệ thống lò vùng Giang Tây không chỉ đơn thuần là phân loại hiện

vật, mà còn là tiến trình giải mã sự chuyển sắc của dòng đồ sứ trắng xanh (*Qingbai*) - dòng gốm đã thiết lập nên các chuẩn mực thẩm mỹ cao quý cho đời sống cung đình Đại Việt thế kỷ XI-XIII.

Hồ Điền (*Hutian*) thuộc trấn Cảnh Đức (*Jingdezhen*), tỉnh Giang Tây, được xác lập là một trong sáu khu lò sản xuất gốm danh tiếng nhất thời Tống (cùng với các hệ thống lò: Định, Quân, Từ Châu, Diêu Châu và Long Xuyên). Lò Hồ Điền sở hữu lịch sử lâu đời từ thời Đường Vũ Đức (618-626), đạt đến giai đoạn phát triển cực thịnh vào thời Bắc Tống và duy trì sức sản xuất đến thời Nguyên. Đặc biệt, thời Bắc Tống đánh dấu bước ngoặt quan trọng với quy mô lò nung lớn nhất trong lịch sử Cảnh Đức Trấn, nổi bật là sự xuất hiện và sản xuất đại trà dòng đồ sứ *Qingbai* (thanh bạch), trong đó khu vực Nam Hà mà tiêu biểu là Hồ Điền đóng vai trò trung tâm chế tác.

Tại Hoàng thành Thăng Long, sưu tập đồ sứ Hồ Điền được phát hiện với số lượng khá phong phú, chủ yếu thuộc đồ gốm cao cấp với sắc men trắng trứng (*Luanbai*) hoặc trắng xanh da trời (*Qingbai*). Loại hình chiếm ưu thế là bát và đĩa, được tạo tác hoàn mỹ về cả tạo dáng lẫn nghệ thuật trang trí. Mặc dù hiện trạng hiện vật đa phần là các mảnh vỡ từ vị trí đáy, thân và miệng, nhưng qua nghiên cứu đối chiếu với các sưu tập tiêu chuẩn tại Cảnh Đức Trấn, chúng tôi nhận diện dòng bát *Qingbai* tại đây phổ biến là loại bát sâu lòng, bao gồm hai loại chính: bát chân cao và bát chân thấp.

Loại bát chân cao, tuy không phổ biến bằng loại bát chân thấp, nhưng lại mang những đặc điểm hình dáng tương đồng với bát Việt Nam thời Lý. Đặc trưng của loại bát này là phần chân đế cao và thẳng, với tỷ lệ chiều cao chân đế chiếm từ 1/4 đến hơn 1/3 tổng chiều cao thân bát. Trong lòng bát thường trang trí đồ án hoa cúc dây bằng kỹ thuật vạch hoa và khắc hoa theo phong cách gốm men ngọc lò Diêu Châu với đường nét vô cùng tinh tế. Lớp men trong bóng phủ kín toàn bộ vành trong chân đế, riêng phần chính giữa đáy để lộ cốt gốm hình tròn - dấu vết của vị trí đặt con kê hình trụ trong quá trình nung (*Hình 2*).

Đối với loại bát chân thấp, số lượng và hình dáng đa dạng hơn, tập trung vào hai loại cơ bản: bát hình nón chân đế thấp và bát hình nón chân đế rất nhỏ, thấp. Đồ án trang trí phổ biến trên loại bát này là hoa cúc dây, hải nhi hoặc tiểu đồng trong hoa cúc dây, kết hợp với văn mây hoặc sóng nước. Kỹ thuật trang trí tại đây đạt đến trình độ điêu luyện khi kết hợp nhuần nhuyễn giữa vạch hoa (khắc chìm - chải lược) và "dịch hoa" (nạo hoa văn nổi), tạo nên hiệu ứng thị giác mờ ảo, huyền diệu dưới lớp men trong. Đặc biệt, loại bát hình nón có chân rất nhỏ (đường kính đế chỉ bằng 1/5 đường kính miệng) mang giá trị nghệ thuật cao hơn công năng sử dụng, dường như được lấy cảm hứng trực tiếp từ hình mẫu bát lò Định thời Bắc Tống (960-1127). Những tiêu bản này thường trang trí đồ án chim phượng bằng kỹ thuật "ấn hoa" (in khuôn) tinh xảo và phần đáy không phủ men (*Hình 2*).

Bên cạnh các loại bát nói trên, Hoàng thành Thăng Long còn tìm thấy khá nhiều loại đĩa nhỏ *Qingbai* mang đặc trưng của gốm Hồ Điền. Đó là loại đĩa sâu lòng, thân giạt cấp, thành loe vát, vành miệng khắc lõm hình chữ V nhỏ ở 6 khoảng đều nhau trong vòng tròn, tạo thành bông hoa 6 cánh. Đây là loại đĩa nhỏ, có đường kính miệng khoảng 12,5-13,5cm, cao 3,5-4,0cm, đường kính đáy khoảng 4,5-5,0cm. Giữa lòng loại đĩa này thường tạo phẳng thành một vòng tròn rộng, trong đó khắc chìm cảnh hoa cúc to với đường nét trang nhã, mềm mại cùng sự tinh tế của các họa tiết văn chải lược. Bên cạnh loại hoa văn này, ở Hoàng thành Thăng Long cũng tìm thấy loại đĩa khắc hình hải nhi trong hoa cúc dây giống như hoa văn trong lòng bát hình nón nói trên, nhưng số lượng ít, không phổ biến (*Hình 2*). Một quan sát quan trọng từ kết quả nghiên cứu là sự tương đồng về hình dáng và kích thước giữa loại đĩa nhỏ giạt cấp tại Thăng Long với gốm Hồ Điền, gợi mở rằng gốm

Thăng Long có thể đã được tạo tác dựa trên nguyên mẫu từ Hồ Điền nhưng có sự điều chỉnh về sắc diện men và kỹ thuật chế tác chân đế. Đáng chú ý, mặc dù gốm Hồ Điền tại Thăng Long có xuất hiện đồ án hoa sen nhưng không phổ biến như hoa cúc và nó chưa đạt đến độ tinh mỹ như gốm lò Định hay gốm Thăng Long thời Lý. Điều này minh chứng cho một tiến trình tiếp biến văn hóa và kỹ thuật quan trọng: thợ gốm Thăng Long đã tiếp nhận kỹ nghệ chân đế và màu men từ Giang Tây nhưng lại chủ động đưa tâm thức Phật giáo bản địa vào nghệ thuật trang trí hoa sen, xác lập một bản sắc mỹ học độc lập (Bùi Minh Trí 2021).

Song hành với hệ thống lò Hồ Điền, kết quả nghiên cứu còn ghi nhận nhóm đồ sứ đến từ lò Lạc Mã Kiều (Luomaqiao) thuộc khu vực sông Xương Giang, Cảnh Đức Trấn. Đây là trung tâm sản xuất mới được phát hiện năm 2010 và khai quật năm 2012, khẳng định vị thế một công xưởng gốm sứ lớn từ giữa thời Nam Tống. Trong khi số lượng lò nung tại khu vực sông Nam Hà (Hồ Điền) có dấu hiệu giảm nhẹ từ đầu thời Nam Tống, thì tại lưu vực sông Xương Giang, công nghệ sản xuất lại phát triển mạnh mẽ.

Đồ sứ Lạc Mã Kiều tìm thấy tại Thăng Long chủ yếu là các loại bát, đĩa men trắng *Qingbai*, bên ngoài thân khắc hoa cánh sen, trong lòng trang trí hoa cúc hoặc dây lá cuốn mềm mại. Điểm ưu việt của gốm Lạc Mã Kiều là xương gốm mỏng đều, men trắng đục phớt xanh có độ bóng và độ thấu quang cao hơn gốm Hồ Điền. Sự khác biệt rõ nét nhất nằm ở kỹ thuật chân đế: chân đế lò Lạc Mã Kiều thường rất thấp, diện tiếp xúc lớn và được tạo mặt phẳng (*Hình 3*). Sự hiện diện liên tục của đồ gốm Lạc Mã Kiều thời Nam Tống (1127-1279) tại Thăng Long là bằng chứng quan trọng khẳng định vai trò chủ đạo và sức ảnh hưởng bền bỉ của gốm vùng Cảnh Đức Trấn trong đời sống cung đình Đại Việt xuyên suốt thời Tống.

3.1.3. Hệ thống lò gốm vùng Quảng Đông (Lò Tây Thôn và Bút Giá Sơn)

Trong giai đoạn hoàng kim của mạng lưới thương mại gốm sứ hàng hải thời Bắc Tống, các hệ thống lò nung tại tỉnh Quảng Đông đóng vai trò là những nhà cung cấp chiến lược cho thị trường Đông Nam Á, trong đó có kinh đô Thăng Long. Nghiên cứu hệ thống lò vùng Quảng Đông tại Thăng Long không chỉ giúp định danh hiện vật mà còn làm sáng tỏ sự năng động của các trung tâm sản xuất miền Nam Trung Hoa trong việc thích ứng với nhu cầu thị trường thông qua chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và phòng mẫu công nghệ.

Đại diện tiêu biểu đầu tiên cho hệ thống sản xuất gốm sứ xuất khẩu khu vực Nam Trung Hoa là lò Tây Thôn (Xicun) tại thành phố Quảng Châu. Kết quả khai quật năm 1958 tại di chỉ Hoàng Đế Cương (Huangdi Gang) đã xác lập một danh mục sản phẩm phong phú với 15 loại hình khác nhau, từ đồ gia dụng đến đồ mỹ nghệ cao cấp như đĩa, bát, cốc, bình, lọ, hộp, gói, cùng các loại còi hình chim và tượng nhỏ (Guangzhou Municipal Cultural Relics Management Committee et al. 1987). Trong kỷ nguyên Bắc Tống, Quảng Đông giữ vị thế chiến lược trên bản đồ xuất khẩu gốm sứ nhờ lợi thế về vị trí địa chính trị. Các bằng chứng khảo cổ học dưới nước từ những con tàu đắm nổi tiếng như Nanhai 1, Java, Jepara và Breaker Reef (Wu, Chunming 2014; Brown, Roxanna M. 2009; Tan, Rita C. 1997) đã cho phép giới nghiên cứu khẳng định rằng, ít nhất từ trước năm 1050, lò Tây Thôn và Bút Giá Sơn đã vươn lên trở thành những trung tâm cung ứng gốm sứ chủ đạo cho thị trường quốc tế.

Tiến trình hưng thịnh của các khu lò này kéo dài xuyên suốt thời Bắc Tống và bắt đầu suy giảm khi bước sang thời Nam Tống. Đây là giai đoạn chứng kiến sự chuyển dịch trực thương mại

khi Tuyên Châu (Phúc Kiến) được triều đình chỉ định là thương cảng xuất khẩu chính yếu. Sự thay đổi chính sách này đã dẫn đến việc dịch chuyển lợi thế cạnh tranh sang các hệ thống lò tại Phúc Kiến, khiến phần lớn các cơ sở sản xuất gốm xuất khẩu tại Quảng Đông dần rơi vào tình trạng đình đốn và phá sản. Một điểm cốt lõi trong chiến lược sản xuất của lò Tây Thôn là khả năng thích ứng thị trường nhảy bén thông qua việc mô phỏng và nhân rộng các mẫu mã thành công từ những trung tâm gốm sứ lừng danh như lò Trường Sa (Changsha), Diêu Châu (Yaozhou) và Hồ Điền (Hutian). Phương thức sản xuất hàng loạt dựa trên các nguyên mẫu thịnh hành này không chỉ giúp Tây Thôn đáp ứng nhanh chóng thị hiếu đa dạng của thị trường ngoại thương mà còn tạo nên sự lan tỏa mạnh mẽ của các đồ án trang trí đặc trưng đến các khu vực.

Tại Hoàng thành Thăng Long, gốm Tây Thôn được nhận diện chủ yếu qua dòng men trắng và men xanh lá cây vẽ nâu sẫm. Việc phân định gốm trắng Tây Thôn thường phức tạp hơn do sự tương đồng với lò Bút Giá Sơn hay Chương Bình. Hai tiêu bản đĩa men trắng tại Thăng Long nêu trong bài viết này là ví dụ điển hình để phân tích đặc trưng của gốm Tây Thôn.

Tiêu bản thứ nhất là loại đĩa nhỏ lòng rộng, thành cong đều, miệng loe và chân đế rộng, thấp. Quan sát cho thấy lớp men có màu trắng đục phớt xanh nhẹ, độ bóng dịu với lớp men phủ mỏng. Tại phần thân sát đế và vành chân đế vẫn lưu lại dấu vết cốt gốm để mộc, hệ quả của kỹ thuật cầm tay khi nhúng men và phần đáy hoàn toàn không phủ men. Về phương diện trang trí, thành trong của đĩa được tạo tác các dải văn chải thẳng đứng hướng về phía miệng; tâm lòng đĩa khắc hoa đồ án cảnh cúc lớn với hai lá to đối xứng. Mặc dù đồ án hoa cúc mang đậm ảnh hưởng từ phong cách lò Hồ Điền (Cảnh Đức Trấn), nhưng sự hiện diện của các dải văn chải thẳng đứng trên thành đĩa lại chính là chỉ dấu nhận diện đặc trưng riêng biệt của gốm Tây Thôn.

Tiêu bản đĩa thứ hai tạo dáng lòng cong, miệng loe nhẹ, chân đế nhỏ và thấp với vành đế mỏng, diện tiếp xúc phẳng. Lớp men phủ mỏng có màu trắng ngà ngà với mạng rạn nhỏ (rạn hạt vừng), không phủ kín vành chân đế và đáy để mộc. Điểm nhấn mỹ thuật nằm ở tâm lòng đĩa với một ngấn tròn, xung quanh được vạch hoa đồ án bông hoa 5-6 cánh lớn chiếm trọn không gian bằng các đường vạch kép đôi. Phong cách này thể hiện sự giao thoa mật thiết với kỹ thuật khắc hoa trên gốm lò Bút Giá Sơn (Hình 4).

Dựa trên kết quả nghiên cứu đồ gốm Trung Quốc tại di tích Hoàng thành Thăng Long, các tiêu chí then chốt để định danh gốm Tây Thôn bao gồm đặc tính men, xương gốm và kỹ thuật tạo chân đế. Một chi tiết định tính quan trọng là xương gốm Tây Thôn tuy có sắc thái rất trắng nhưng kết cấu lại mềm và có độ xốp nhất định, không đánh chắc như xương gốm của lò Bút Giá Sơn.

Từ góc độ so sánh quốc tế, các loại đĩa khắc cảnh cúc tương tự tiêu bản thứ nhất tại Thăng Long cũng đã được phát hiện tại Philippines, nhưng lại được giới nghiên cứu xác định là sản phẩm của lò Mân Thanh (Minqing) thuộc miền Trung tỉnh Phúc Kiến, niên đại thời Nam Tống (Rita C. Tan 2017). Xét về tiến trình lịch sử, dòng đồ Mân Thanh nhiều khả năng đã chịu ảnh hưởng trực tiếp từ mẫu hình lò Tây Thôn. Điều này hoàn toàn phù hợp với diễn tiến kinh tế - xã hội đương thời: lò Tây Thôn dần chấm dứt sản xuất vào thời Nam Tống khi Quảng Đông mất đi vị thế là thương cảng xuất khẩu gốm sứ chủ đạo, nhường chỗ cho sự trỗi dậy của các trung tâm sản xuất và xuất khẩu mới tại Phúc Kiến.



Hình 2. Gốm Qingbai lò Hồ Điền (Cảnh Đức Trấn), thời Bắc Tống

(Nguồn: Bùi Minh Trí)



Hình 3. Gốm Qingbai lò Lạc Mã Kiều (Cảnh Đức Trấn), thời Nam Tống

(Nguồn: Bùi Minh Trí)



Hình 4. Gốm men trắng lò Tây Thôn (Quảng Châu), thời Bắc Tống

(Nguồn: Bùi Minh Trí)

Hệ thống thứ hai tại vùng này là lò Bút Giá Sơn (Bijiashan), nằm ở phía Đông thành phố Triều Châu, thường được gọi là "Triều Châu Bút Giá Sơn Tổng điều" (Li Bingyan 2004; Bảo tàng Quảng Đông 1981). Từ kết quả khảo sát thực địa tại khu lò năm 2013, chúng tôi đã nhận diện một lượng lớn di vật lò này tại Thăng Long, chủ yếu là đồ dùng sinh hoạt như bát, đĩa, chén và đèn dầu (Bùi Minh Trí 2021). Tiêu biểu là loại bát to lòng sâu, chân đế rộng và tương đối cao, vành đế mỏng tạo thẳng, ngoại thất khắc chéo văn cánh cúc mềm mại (*Hình 5*). Các chỉ số đo đạc cho thấy loại bát này có đường kính miệng từ 12,9-16,7cm và cao từ 6,0-8,0cm.

Đối với loại hình đĩa, phổ biến là các tiêu bản nhỏ có đường kính miệng khoảng 12,0-13,5cm, lòng rộng, thành cong đều và chân đế tương đối cao. Những chiếc đĩa này sở hữu lớp men màu trắng ngà hoặc trắng phớt xanh phủ trên xương gốm khá dày. Tâm lòng đĩa thường có núm tròn nhỏ, xung quanh vạch hoa đồ án bông hoa 4 hoặc 5 cánh lớn bằng nét kép đôi, một phong cách mang đậm ảnh hưởng của gốm lò Tây Thôn. Tương tự như bát, phần thân sát đế và đáy đĩa thường để lộ cốt gốm không phủ men. Bên cạnh đó, sự hiện diện của các loại chén chân loe, thân cong tròn, miệng khum đặt trên đĩa đài (cup-stand) được tạo tác cầu kỳ đã minh chứng cho sự tồn tại của các bộ đồ trà/rượu đặc trưng thời Tống. Có khả năng các nghệ nhân Bút Giá Sơn đã tiếp biến hình mẫu từ gốm Hồ Điền nhưng thực hiện cải biến theo hướng đơn giản hóa để phù hợp với đồ dùng dân dụng.

Một phát hiện đặc biệt quan trọng tại Hoàng thành Thăng Long là loại đèn dầu men trắng có tạo dáng thẩm mỹ cao. Cấu trúc bên trong đèn có núm đế bắc và lỗ khoét được tạo tác cẩn thận, minh chứng rõ nét cho công năng sử dụng thực tế. Mặc dù tư liệu về đèn dầu thời Tống trong các công bố quốc tế còn khá hạn chế, nhưng sự xuất hiện của chúng trong không gian Hoàng cung Thăng Long thời Lý là một phát hiện thú vị. Qua nghiên cứu đối chiếu về đặc tính xương và men, chúng tôi nhận định loại đèn dầu này có khả năng là sản phẩm của lò Bút Giá Sơn hoặc Tây Thôn, hoàn toàn khác biệt với đặc trưng kỹ thuật của gốm Hồ Điền hay Lạc Mã Kiều.

Tổng kết về đặc trưng kỹ thuật, gốm lò Bút Giá Sơn thường có lớp men phủ mỏng, độ bóng dịu với nhiều sắc độ từ trắng xanh, trắng đục đến trắng ngà hoặc trắng xám. Sự thiếu đồng nhất về màu sắc này là hệ quả của nhiệt độ nung không ổn định trong lò. Đặc biệt, dòng men trắng ngà thường có hiện tượng bong tróc và độ hút nước mạnh. Về kỹ thuật tạo dáng, chân đế lò Bút Giá Sơn không được gọt tía tinh xảo như gốm Cảnh Đức Trấn; trái lại, cả mặt trong và mặt ngoài vành chân đế thường lưu lại dấu vết rãnh nhỏ đồng tâm - bằng chứng của kỹ thuật chế tác trên bàn xoay chậm. Dấu ấn kỹ thuật này cũng được ghi nhận tương tự trên dòng gốm Thanh Sơn - Hồ Tứ sẽ được phân tích ở phần tiếp theo.

3.1.4. Hệ thống lò gốm vùng Phúc Kiến (Lò Chương Bình và Đức Hóa)

Trong tiến trình khảo sát sự dịch chuyển của các luồng giao thương gốm sứ Tống vào Hoàng cung Thăng Long, hệ thống lò nung tại tỉnh Phúc Kiến nổi lên như một mắt xích chiến lược, phản ánh giai đoạn chuyển giao quyền lực kinh tế từ Quảng Đông sang Phúc Kiến vào thời Nam Tống. Sự hiện diện của gốm vùng Phúc Kiến tại Thăng Long không chỉ đơn thuần là sự bổ sung về quy mô hiện vật, mà còn minh chứng cho một phân khúc thị trường năng động, nơi các giá trị mỹ học cung đình được kết hợp với tính thực dụng và sự lan tỏa của các đồ án trang trí mang đậm hơi thở dân gian sinh động.

Đại diện tiêu biểu tại khu vực này là lò Chương Bình (Zhangping), tọa lạc tại thượng du Bắc Khê Cửu Long Giang, thuộc tỉnh Phúc Kiến. Di vật lò Chương Bình phát lộ tại Thăng Long

chủ yếu là các loại bát và đĩa men trắng xám có niên đại từ thời Bắc Tống. Về phương diện kỹ thuật thực chứng, xương gốm Chương Bình thể hiện một đặc tính trung gian đáng chú ý: chúng đạt độ chín cao hơn so với dòng gốm xốp của Tây Thôn nhưng vẫn giữ một sắc độ trầm mặc, không đạt đến độ tinh khiết như gốm Giang Tây. Đặc điểm nhận dạng rõ nét của dòng gốm này là lớp men màu trắng đục hoặc trắng xám, phủ mỏng và thường có sự không đồng nhất về sắc diện do tác động của điều kiện nhiệt độ trong lò nung. Các đồ án trang trí khắc hoa tại đây tuy không quá cầu kỳ nhưng lại toát lên vẻ phóng khoáng, dứt khoát, phản ánh một quy trình tạo tác thuần thực hướng tới nhu cầu tiêu dùng quy mô lớn.

Mặc dù xương gốm Chương Bình có sắc thái rất trắng nhưng kết cấu lại giòn, mặt gãy không nhẵn và độ thiêu kết (sintering degree) không cao, dẫn đến việc thiêu độ đánh chắc khi so sánh với gốm Hồ Điền. Lớp men thường xuất hiện các mạng mạch rạn nhỏ kiểu "hạt vừng" và thiếu độ trong bóng, óng mượt đặc trưng của gốm Giang Tây. Trong lòng bát và đĩa, phổ biến là các đồ án hoa lá được vạch hoa mềm mại và đa dạng; mặt ngoài thân của một số tiêu bản bát còn được trang trí văn sóng nước hình vảy cá với nét khắc mảnh và nông. Đáng lưu ý nhất, đồng thời cũng là chỉ dấu nhận diện riêng biệt (diagnostic marker) của gốm Chương Bình, chính là loại bát án hoa hình con hươu nằm trong khung bông hoa bốn cánh ở chính giữa tâm lòng - loại hình mà giới chuyên môn thường gọi là "bát con hươu" (Hình 6).

Về phương diện hình thái học, kỹ thuật tạo chân đế của gốm Chương Bình thể hiện sự khác biệt khu biệt so với gốm Hồ Điền, Bút Giá Sơn hay Tây Thôn. Hệ thống chân đế tại đây cũng bao gồm hai loại: chân cao và chân thấp. Đối với biến thể chân cao, tỷ lệ chiều cao chân đế thường chiếm 1/5 đến 1/4 tổng chiều cao thân bát, với đường kính đế nhỏ (xấp xỉ 1/4 đường kính miệng). Chân đế được chế tác khá cẩn trọng, không để lại dấu rãnh của bàn xoay chậm; vành đế mỏng với diện tiếp xúc rộng và bằng phẳng. Ngược lại, loại bát chân thấp có sự tương đồng nhất định với gốm Hồ Điền nhưng điểm khác biệt nằm ở kỹ thuật khoét vát chéo vào rìa cạnh chân đế, phần đáy hoàn toàn để thô mộc không phủ men. Ngoài ra, Chương Bình còn phổ biến loại bát chân đế nhỏ và thấp với vành đế dày, để mộc hoàn toàn bên trong vành đế và đáy.

Bên cạnh đồ án "bát con hươu", sưu tập Chương Bình còn bao gồm các loại đĩa nhỏ với tâm đĩa có núm tròn hoặc án hoa bông cúc tròn nhỏ, xung quanh trang trí đồ án hoa 4-6 cánh bằng kỹ thuật vạch hoa nét kép đôi. Mặc dù phong cách này có sự kế thừa từ kỹ nghệ của lò Tây Thôn và Bút Giá Sơn, nhưng hình dáng và bút pháp tạo hoa văn tại Chương Bình vẫn xác lập một bản sắc thẩm mỹ riêng biệt của vùng gốm Phúc Kiến.

Song hành với Chương Bình là hệ thống lò Đức Hóa (Dehua) lừng danh thuộc huyện Đức Hóa, tỉnh Phúc Kiến. Mặc dù lò Đức Hóa được thế giới biết đến nhiều nhất qua dòng sứ trắng tinh khôi (*Blanc de Chine*) ở các giai đoạn muộn hơn, nhưng ngay từ thời Tống, các nghệ nhân nơi đây đã khẳng định vị thế qua các sản phẩm hộp gốm men trắng đặc sắc. Tại Hoàng thành Thăng Long, di vật gốm Đức Hóa được tìm thấy chủ yếu dưới dạng các mảnh vỡ từ loại hộp hình cầu dẹt. Đặc trưng nổi bật của dòng đồ này là kỹ thuật án hoa (in khuôn) nổi các đồ án kỷ hà và hoa lá trên nắp hộp, kết hợp với xương gốm màu trắng xám hoặc trắng xanh và lớp men phủ có độ bóng mờ trang nhã (Hình 7). Sự hiện diện đậm nét của loại hình hộp gốm in khuôn - vốn được trang trí kín bề mặt nắp bằng các đồ án tinh xảo - không chỉ đáp ứng chức năng chứa đựng hương liệu hay phân trang điểm của phụ nữ chốn cung đình, mà còn là một "chỉ dấu văn hóa" về sự tương đồng trong lối sống thanh tao giữa giới quý tộc Đại Việt và nhà Tống.

Từ góc độ giám định học thuật, việc nhận diện gốm vùng Phúc Kiến tại Thăng Long đòi hỏi một quy trình phân tách tỉ mỉ với các dòng gốm "Quan dụng" cao cấp như lò Định hay lò Hồ Điền. Dù cùng thuộc phổ hệ men trắng, gốm Chương Bình và Đức Hóa thời Tống tại Thăng Long vẫn lưu giữ những đặc điểm của phân khúc "bình dân hóa cao cấp" - một sự kết hợp khéo léo giữa kỹ thuật nung đốt ổn định và tính mỹ thuật phổ quát. Việc hệ thống hóa các di vật này trong địa tầng thời Lý - Trần không chỉ giúp phục dựng bản đồ nguồn gốc đồ sứ ngoại nhập trải dài khắp dải ven biển Trung Hoa, mà còn khẳng định vị thế của kinh đô Thăng Long như một trung tâm điều phối và tiêu dùng sản phẩm tinh hoa trong dòng chảy thương mại Đông Á (Hình 6-7).

Tuy nhiên, một quan sát quan trọng từ thực địa cho thấy, mặc dù Hoàng thành Thăng Long tìm thấy khá nhiều đồ sứ Trung Quốc thời Tống, nhưng loại hình hộp lại không phổ biến và chiếm tỷ lệ thấp hơn hẳn so với bát và đĩa. Khi đặt các loại hộp gốm Việt Nam thời Lý bên cạnh các tiêu bản hộp Trung Quốc thời Tống, có thể nhận thấy gốm Thăng Long sở hữu giá trị nghệ thuật và độ tinh mỹ vượt trội. Sự ưu việt về tạo dáng và tư duy thẩm mỹ của gốm Thăng Long chính là lời lý giải xác đáng cho việc tại sao trong không gian Hoàng cung Thăng Long, các loại hộp ngoại nhập từ Trung Quốc lại không được sử dụng phổ biến. Điều này một lần nữa khẳng định bản sắc độc lập và nội lực sáng tạo mạnh mẽ của nghệ thuật gốm sứ Đại Việt thời Lý (Bùi Minh Trí 2021).

3.1.5. Hệ thống lò gốm vùng Hồ Bắc (Lò Thanh Sơn - Hồ Tứ)

Trong toàn bộ sưu tập đồ sứ Tống tại Hoàng cung Thăng Long, nhóm di vật mang lại nhiều bất ngờ và đòi hỏi sự thận trọng nhất trong công tác giám định chính là đồ sứ men trắng có nguồn gốc từ hệ thống lò Thanh Sơn - Hồ Tứ. Sự hiện diện của dòng gốm này không chỉ làm phong phú thêm bản đồ nguồn gốc đồ sứ ngoại nhập mà còn đặt ra những yêu cầu khắt khe về phương pháp giám định thực chứng, do những nét tương đồng đặc thù về hình dáng, sắc diện men và kỹ thuật tráng men giữa gốm Hồ Tứ với đồ gốm Việt Nam thời Lý.

Hệ thống lò Hồ Tứ (Husi) bao gồm nhóm di tích lò Thanh Sơn, tọa lạc ven hồ Phủ Đầu và hồ Lương Tử, khu Giang Hạ, thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc. Tên gọi của nhóm di tích này bắt nguồn từ địa điểm hương Hồ Tứ, nơi đầu tiên ghi nhận sự tồn tại của một hệ thống lò nung có niên đại kéo dài từ thời Ngũ Đại đến thời Nguyên - Minh (907-1644). Dưới góc độ phân cấp chất lượng, gốm Hồ Tứ được xếp vào dòng gốm dân gian (folk kiln), phẩm cấp kỹ thuật không thể sánh ngang với các trung tâm thượng hạng như Hồ Điền hay lò Định, nhưng lại giữ vai trò quan trọng trong việc phản ánh mạng lưới giao thương phổ quát ở vùng nội địa Trung Hoa.

Tại Hoàng thành Thăng Long, nghiên cứu ghi nhận số lượng khá lớn đồ gốm Hồ Tứ, chủ yếu là các loại bát và đĩa sâu lòng với sắc men biến thiên từ trắng ngà, trắng xám đến trắng ngả xanh lá cây. Đặc điểm kỹ thuật nổi bật của dòng gốm này là lớp men phủ mỏng, độ trong bóng thấp và độ thấu quang kém, dẫn đến sự không đồng nhất về sắc độ trên bề mặt hiện vật. Về mặt tạo dáng, gốm Hồ Tứ sở hữu chân đế rộng, thành đế dày và tương đối cao với diện tiếp xúc rộng - một cấu trúc mang tính thực dụng điển hình. Đáng chú ý, phần thân sát đế và đáy thường để mộc lộ cốt, lưu lại rõ nét dấu vết của bàn xoay chậm thông qua các rãnh nhỏ khoét sâu vào xương gốm. Dấu vết kỹ thuật này tuy có sự tương đồng với sản phẩm lò Bút Giá Sơn nhưng gốm Hồ Tứ bộc lộ tính chất thô phác hơn (Hình 8).

Mặc dù phần lớn sưu tập gốm Hồ Tứ tại Thăng Long không có hoa văn, nghiên cứu vẫn phát hiện một số ít tiêu bản bát và đĩa trang trí vạch hoa dây lá và văn chải ở trong lòng với đường

nét mảnh mai, phóng khoáng mang phong cách lò Bút Giá Sơn. Một yếu tố then chốt trong nghiên cứu định danh là do sự tương đồng về sắc độ men giữa gốm Hồ Tứ và dòng gốm chất lượng thấp của lò Thăng Long thời Lý, nên việc phân biệt chỉ có thể thực hiện thông qua quan sát kỹ lưỡng cấu trúc vi mô của xương gốm và kỹ thuật tạo chân đế. Trong khi gốm Hồ Tứ lưu dấu bàn xoay thô, thì chân đế gốm thời Lý thường được thợ gốm cung đình chế tác cẩn trọng, triệt tiêu hoàn toàn các dấu vết cơ học của bàn xoay. Sự khác biệt này không chỉ là một đặc điểm nhận dạng mà còn khẳng định một tiêu chuẩn kỹ thuật vượt trội của lò quan Thăng Long so với các dòng gốm dân gian ngoại nhập (Bùi Minh Trí 2021).

3.2. Dòng gốm men ngọc

Sau dòng gốm men trắng, gốm men ngọc thời Tống là nhóm di vật chiếm tỷ trọng lớn thứ hai tại Hoàng thành Thăng Long với tổng cộng 5.880 hiện vật. Dữ liệu khảo cổ học định lượng ghi nhận 129 hiện vật nguyên dáng, 456 mảnh miệng, 1.231 mảnh thân và 1.455 mảnh đáy. Mặc dù đứng sau về số lượng tuyệt đối, gốm men ngọc lại sở hữu hệ thống loại hình phong phú hơn với 7 dòng sản phẩm chủ đạo bao gồm: bát, đĩa, âu, nắp, hộp, bình và lư hương. Đặc trưng nhất quán của sưu tập này là xương gốm mịn, độ thiêu kết cao tạo nên cấu trúc đanh chắc, lớp men phủ mỏng đạt độ trong bóng tối ưu với sắc xanh nhạt tinh khiết - một chuẩn mực thẩm mỹ mô phỏng sắc diện của ngọc thạch vốn rất được ưa chuộng trong đời sống quý tộc đương thời.

Việc nghiên cứu dòng gốm men ngọc tại Thăng Long mở ra một hướng tiếp cận quan trọng về sự dịch chuyển công nghệ giữa các trung tâm sản xuất lớn của Trung Quốc và kinh đô Đại Việt. Kết quả phân loại đã xác lập bản đồ nguồn gốc của sưu tập này đến từ 4 khu lò danh tiếng thuộc 3 vùng địa lý trọng điểm: lò Diêu Châu (tỉnh Thiểm Tây) ở phía Bắc; lò Long Tuyền và lò Việt (tỉnh Chiết Giang) ở miền Đông; cùng hệ thống lò Tây Thôn (tỉnh Quảng Đông) ở phía Nam (*Hình 1*). Sự hiện diện đa dạng này minh chứng cho năng lực tuyển chọn và tiếp nhận các sản phẩm tinh hoa nhất của vương triều Lý.

Trong số các trung tâm nêu trên, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh giá trị đặc sắc nhất thuộc về sản phẩm của lò Diêu Châu và lò Long Tuyền. Đặc biệt, sưu tập đồ sứ lò Diêu Châu với kỹ thuật in khuôn hoa cuốn dây tinh xảo không chỉ đại diện cho trình độ chế tác điêu luyện mà còn mang ý nghĩa học thuật then chốt: chúng xác lập một mối quan hệ hữu cơ và sự ảnh hưởng sâu sắc đến kỹ thuật, mỹ thuật chế tác đồ sứ thời Lý. Chính luồng giao thoa công nghệ từ những khu lò này đã góp phần định hình nên diện mạo riêng biệt, thúc đẩy thợ gốm Thăng Long vươn tới những chuẩn mực kỹ thuật tiệm cận với trình độ của các "danh diêu" đương thời.

3.2.1. Hệ thống lò gốm vùng Thiểm Tây (Lò Diêu Châu)

Trong hệ thống gốm men ngọc Trung Quốc thời Tống phát lộ tại Hoàng cung Thăng Long, phát hiện quan trọng và mang lại nhiều giá trị học thuật nhất chính là sưu tập đồ sứ thuộc hệ thống lò Diêu Châu (Yaozhou) tại Hoàng Bảo, Đồng Xuyên, tỉnh Thiểm Tây (*Bản đồ 1*). Khởi lập từ thời Đường và đạt đến độ hưng thịnh vào thời Tống, Diêu Châu được xác lập là đại diện tiêu biểu nhất cho dòng gốm men ngọc phương Bắc (Northern Celadon). Sức sống của gốm Diêu Châu nằm ở khả năng kế thừa nghệ thuật khắc hoa của lò Việt (Chiết Giang) từ thời Ngũ Đại, để rồi thăng hoa rực rỡ vào thời Bắc Tống với các kỹ thuật dịch hoa (chạm khắc nổi) và đặc biệt là ấn hoa (in khuôn) đầy sáng tạo.



Hình 5. Gốm lò Bút Giá Sơn (Triều Châu - Quảng Đông), thời Bắc Tống
(Nguồn: Bùi Minh Trí)



Hình 6. Gốm men trắng lò Chương Bình (Phúc Kiến), thời Bắc Tống
(Nguồn: Bùi Minh Trí)



Hình 7. Hộp gốm men trắng lò Đức Hóa (Phúc Kiến), thời Bắc Tống
(Nguồn: Bùi Minh Trí)



Hình 8. Gốm men trắng lò Thanh Sơn - Hồ Tứ (Hồ Bắc), thời Bắc Tống
(Nguồn: Bùi Minh Trí)

Tại Hoàng thành Thăng Long, nghiên cứu đã nhận diện một số tiêu bản bát và đĩa gốm men xanh lò Diệu Châu thuộc dòng cao cấp, niên đại thế kỷ XI-XII. Đáng chú ý nhất là loại bát hình nón trang trí ấn hoa đồ án hoa cúc dây với đường nét cực kỳ tinh xảo. Kỹ thuật này đã tạo nên một chuẩn mực mới về hình thái, cho phép nghệ nhân thể hiện các đồ án phức tạp, mang phong cách "đông đúc và tĩnh tại", tạo nên vẻ đẹp sâu lắng (Hình 9). Hoa văn chủ đạo là dải dây hoa liên hoàn gồm sáu bông cúc nở trên cành lá nhỏ uốn lượn hình sin phủ kín lòng bát, với sự xen kẽ nhịp nhàng giữa các góc nhìn chính diện và nhìn nghiêng. Về mặt phẩm chất, gốm Diệu Châu sở hữu thai cốt mỏng nhẹ màu trắng đục hoặc ghi xám, bao phủ bởi lớp men xanh lá cây sắc hơi vàng hoặc xanh ô liu. Đặc điểm men có nhiều bọt khí nhỏ tạo nên hiệu ứng tương phản sáng tối dưới ánh sáng, mang lại vẻ đẹp thanh cao đặc trưng, khác biệt hoàn toàn với sắc diện của gốm Long Tuyền.

Một trong những phát hiện mang tính bước ngoặt là việc xác lập mối quan hệ hữu cơ giữa gốm Diệu Châu và gốm thời Lý tại Thăng Long. Sự xuất hiện của các mảnh khuôn in và chong gốm dính tại khu di tích (Hình 10) là bằng chứng thực chứng khẳng định lò quan Thăng Long đã trực tiếp sản xuất các loại đồ gốm ấn hoa hoa cúc dây phỏng theo nguyên mẫu Diệu Châu (Bùi Minh Trí 2021). Tuy nhiên, thợ gốm Thăng Long đã thực hiện một quá trình "đa dạng hóa chất liệu": trong khi đồ án hoa cúc dây ở Diệu Châu chủ yếu xuất hiện trên gốm men ngọc, thì tại Thăng Long, đồ án này được triển khai đồng bộ trên cả gốm men trắng và men xanh lục. Điều này gợi ý rằng đây là một đồ án biểu tượng được vương triều đặc biệt ưa chuộng, tạo nên một sắc thái riêng biệt của mỹ thuật cung đình Đại Việt.

Bên cạnh kỹ thuật in khuôn (ấn hoa), gốm Diệu Châu tại Thăng Long còn ghi nhận các tiêu bản trang trí bằng kỹ thuật dịch hoa (chạm khắc nổi). Tiêu biểu là loại đĩa nhỏ đường kính 13cm trang trí hai cành mẫu đơn quán quýt với bốn bông hoa và cành lá được tạo khối tả thực sinh động. Sự tương đồng về phong cách giữa gốm Diệu Châu và gốm Lý lớn đến mức nếu không có sự thẩm định chuyên sâu về đặc tính lý hóa của xương và men, rất dễ gây nhầm lẫn trong công tác giám định. Điển hình là trường hợp chiếc đĩa nhỏ và chiếc âu chạm khắc hoa mẫu đơn dây hiện lưu giữ tại Bảo tàng Guimet (Paris), vốn từng được xếp vào nhóm gốm Trung Quốc nhưng qua nghiên cứu so sánh đã khẳng định là sản phẩm của lò Thăng Long (Hình 11-12). Mặc dù chịu ảnh hưởng từ nghệ thuật Diệu Châu, thợ gốm Lý đã khéo léo hiệu chỉnh lối trang trí và cấu trúc chân đế để phù hợp với căn tính thẩm mỹ bản địa.

Tổng kết lại, gốm men ngọc Diệu Châu không chỉ là biểu tượng của nghệ thuật gốm sứ Bắc Tống với đầy đủ bốn hình thức trang trí (khắc hoa, dịch hoa, ấn hoa và chạm thủng), mà còn đóng vai trò là "nguồn cảm hứng công nghệ" cho gốm sứ Thăng Long thời Lý. Dù gốm Diệu Châu không phải là dòng hàng hóa xuất khẩu đại trà như các lò miền Nam, việc tìm thấy những tiêu bản cao cấp nhất tại Thăng Long đã phản ánh nhu cầu sử dụng tinh tế và đẳng cấp của Hoàng cung Đại Việt, đồng thời khẳng định bản lĩnh của thợ gốm nội địa trong việc tiếp biến và sáng tạo nên một diện mạo mới cho nghệ thuật gốm sứ Thăng Long.

3.2.2. Hệ thống lò gốm vùng Chiết Giang (Lò Việt và Lò Long Tuyền)

Trong bản đồ cung ứng gốm men ngọc cho Hoàng cung Thăng Long, tỉnh Chiết Giang giữ vị trí là trung tâm chế tác thanh từ (sứ xanh) quan trọng bậc nhất, nơi bảo lưu và phát triển những kỹ nghệ tinh hoa xuyên suốt các thời kỳ lịch sử. Nghiên cứu hệ thống di vật vùng Chiết Giang tại Thăng Long cho thấy một phổ hệ công nghệ hoàn chỉnh: từ những ảnh hưởng mang tính nền tảng của lò Việt thời kỳ đầu Bắc Tống đến sự thăng hoa rực rỡ của lò Long Tuyền giai đoạn Nam Tống.

Hệ thống lò Việt (Yue ware), tập trung chủ yếu trong khu vực Việt Châu (nay thuộc Ninh Ba và Thiệu Hưng), vốn được ngợi ca là quê hương của gốm men ngọc Trung Quốc với lịch sử khởi lập từ Đông Hán và đạt cực thịnh vào thời Đường. Dựa trên các kết quả điều tra và khai quật khảo cổ, khối lượng sản xuất của lò Việt vẫn duy trì đà phát triển thịnh đạt trong giai đoạn đầu thời Tống (960-1022), trước khi suy giảm về cả sản lượng và chất lượng vào trung kỳ Bắc Tống. Tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long, nếu như đồ gốm lò Việt thời Đường được tìm thấy với số lượng rất lớn (113.694 hiện vật), thì các di vật thuộc giai đoạn thời Tống lại được ghi nhận với tỷ lệ khiêm tốn hơn (1.716 hiện vật), chủ yếu là những mảnh vỡ của các loại bát và đĩa.

Tiêu biểu trong sưu tập thu được tại di tích là mảnh đĩa có chân đế rộng, rất thấp, đáy dẹt mẹt và có khắc chữ Hán (*Hình 13*). Tiêu bản này có lớp men xanh lá cây, ngoại thất tạo múi kiểu cánh sen, trong lòng khắc hoa đồ án mẫu đơn lớn kết hợp với văn chải mềm mại, mang phong cách mỹ thuật tương đồng với gốm lò Diêu Châu. Một tiêu bản khác cũng được xác lập niên đại trong khoảng nửa đầu thế kỷ XI là loại đĩa nhỏ sâu lòng, thân giạt cấp, miệng loe khía lõm hình chữ V, mang màu xanh lá cây đặc trưng phủ mỏng đều kín cả phần đáy. Sự hiện diện của những mảnh vỡ lò Việt quý hiếm này tại Thăng Long, dù số lượng không nhiều, vẫn là minh chứng cho sự kết nối liên tục của kinh đô Đại Việt với trung tâm gốm sứ lâu đời nhất phương Nam trong giai đoạn chuyển tiếp công nghệ.

Tiếp nối và nâng tầm truyền thống của lò Việt chính là hệ thống lò Long Tuyền (Longquan ware), tọa lạc tại vùng Lê Thủy, Tây Nam tỉnh Chiết Giang (Chu Nhân và nnk. 1973). Được tạo lập từ thời Ngũ Đại, lò Long Tuyền vươn tới đỉnh cao rực rỡ vào thời Nam Tống (1127-1279). Giai đoạn Bắc Tống, khu vực này nổi danh với cụm xưởng Đại Diêu (Dayao) gồm 23 lò nung. Đến đầu thời Nam Tống, tại Lưu Diên, hai anh em họ Chương (Chương Sinh Nhất và Chương Sinh Nhị) đã tạo nên bước ngoặt lịch sử khi cho ra đời những sản phẩm celadon trong như ngọc. Trong đó, lò của người anh (Ca diêu - Ge ware) được tôn vinh là một trong "Ngũ đại danh diêu" thời Tống. Đặc trưng của gốm Long Tuyền thời kỳ này là màu men "thủy thanh" (nước trong) thanh cao, tương đồng với sắc diện của ngọc bích, kết hợp với chân cốt gốm có màu oxit sắt đặc trưng. Với danh tiếng vang dội, gốm Long Tuyền không chỉ được triều đình nhà Tống trọng dụng mà còn trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực, ảnh hưởng sâu rộng đến thẩm mỹ của các quốc gia Hồi giáo và khu vực Đông Nam Á từ thế kỷ XIII đến XV.

Tại Hoàng thành Thăng Long, sưu tập đồ gốm men ngọc Long Tuyền thời Tống được phát hiện với số lượng khá lớn (5.880 hiện vật), bao gồm bát, đĩa, lư hương và âu có nắp đậy. Trong các sưu tập gốm men ngọc thời Tống, phổ biến nhất là loại bát hình nón có chân đế nhỏ thấp, thành ngoài tạo nổi văn cánh sen, lớp men dày phủ đều kín đáy và vành chân đế được cạo men có màu oxit sắt (*Hình 14*). Bên cạnh đó là các loại đĩa có dáng hình chậu, miệng loe ngang có gờ, lòng rộng sâu và đa phần không trang trí hoa văn nhằm tôn vinh tối đa vẻ đẹp của màu men. Đặc biệt là loại âu thân hình trụ, ngoài thân và nắp đậy đều được tạo nổi văn cánh sen tinh tế như loại bát hình phễu nói trên. Vẻ đẹp của sưu tập gốm Long Tuyền cao cấp tại Thăng Long không nằm ở sự cầu kỳ của họa tiết mà chính là sự quyến rũ, sang quý của hình dáng và sắc diện men xanh ngọc bích. Sự hiện diện của gốm Long Tuyền trong Hoàng cung không chỉ đáp ứng nhu cầu ẩm thực mà còn mang lại những sắc thái văn hóa tinh tế, xác lập một tiêu chuẩn thẩm mỹ thượng lưu cho đời sống cung đình Đại Việt thời bấy giờ.



Hình 9. Gốm men ngọc lò Diêu Châu (Thiểm Tây), thời Bắc Tống
(Nguồn: Bùi Minh Trí)

Hình 10. Khuôn in, phế thải và sản phẩm gốm men ngọc lò Thăng Long, thời Lý
(Nguồn: Bùi Minh Trí)



Hình 11. Gốm men ngọc lò Thăng Long, thời Lý
(Nguồn: Bùi Minh Trí)

Hình 12. Gốm men ngọc lò Diêu Châu, thời Bắc Tống
(Nguồn: Benjanssens Oriental Art)

Hình 13. Gốm men xanh lò Việt (Chiết Giang), thời Bắc Tống
(Nguồn: Bùi Minh Trí)



Hình 14. Gốm men ngọc lò Long Tuyền (Chiết Giang), thời Nam Tống
(Nguồn: Bùi Minh Trí)

Hình 15. Gốm men xanh, lò Tây Thôn, Quảng Đông, thời Bắc Tống
(Nguồn: Bùi Minh Trí)

3.2.3. Hệ thống lò gốm vùng Quảng Đông (Lò Tây Thôn)

Trong phổ hệ gốm men xanh tại Hoàng thành Thăng Long, sự hiện diện của các sản phẩm có nguồn gốc từ lò Tây Thôn (Xicun) thuộc thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, đã mang lại những phát hiện bất ngờ và đầy giá trị đối sánh. Đặc trưng nổi bật của sưu tập này là sự kế thừa và tái hiện phong cách mỹ thuật của các giai đoạn lịch sử trước đó, tạo nên một sự giao thoa thú vị giữa kỹ thuật chế tác thời Bắc Tống với ngôn ngữ trang trí đặc thù của thời Đường.

Di vật lò Tây Thôn được ghi nhận trong các tầng văn hóa tại Thăng Long chủ yếu là những mảnh vỡ của loại bát và đĩa gốm men xanh lá cây trang trí hoa văn cảnh cúc bằng họa sắc tố nâu sắt (underglaze iron-brown). Điểm đặc sắc của nhóm hiện vật này nằm ở lõi vẽ khoáng đạt, vốn mang phong thái đặc trưng của gốm Trường Sa (Changsha) thời Đường. Nếu không có những nghiên cứu so sánh chuyên sâu về bản chất xương gốm và cấu trúc hình thái chân đế, các di vật này rất dễ bị nhầm lẫn với sưu tập gốm Trường Sa vốn cũng được thu thập với số lượng đáng kể tại khu di tích. Tuy nhiên, thông qua việc quan sát sắc men xanh lá cây đậm đặc trưng cùng cấu trúc chân đế vững chãi, nghiên cứu đã xác lập đây chính là sản phẩm của lò Tây Thôn niên đại thời Bắc Tống (Hình 15).

Về phương diện nguồn gốc phong cách, mặc dù có những giả thuyết cho rằng lõi trang trí nâu sắt của Tây Thôn được khơi gợi cảm hứng từ dòng gốm Từ Châu (Cizhou), nhưng sự khác biệt về màu men (xanh lá cây của Tây Thôn so với trắng trong của Từ Châu) đã dẫn đến nhận định về sự vay mượn trực tiếp từ truyền thống lò Việt (Yue) hoặc lò Âu (Ou) - những trung tâm vốn sở hữu kỹ nghệ vẽ nâu sắt tinh luyện (Guangzhou Municipal Cultural Relics Management Committee et al. 1987). Dường như thợ gốm Tây Thôn thời Bắc Tống đã đóng vai trò là "gạch nối" lịch sử khi tiếp biến kỹ thuật sử dụng oxit đồng và oxit sắt làm chất tạo màu từ lò Trường Sa, thông qua trung gian các lò nung vùng Chiết Giang để sáng tạo nên một dòng sản phẩm xuất khẩu có sức sống riêng biệt.

Sức lan tỏa của dòng gốm này trên "Con đường tơ lụa trên biển" đã được minh chứng rõ nét qua các tư liệu khảo cổ học dưới nước. Năm 2012, các loại bát lớn lò Tây Thôn với họa tiết nâu sắt đã được trục vớt từ xác con tàu đắm gần Pulau Buaya thuộc quần đảo Lingga (NK Koh 2012). Sự tương đồng giữa hai mảnh đáy bát phát hiện tại Hoàng thành Thăng Long với lô hàng bát lớn (đường kính từ 23cm đến 33cm) trên con tàu đắm này là một bằng chứng thực chứng quan trọng về mạng lưới cung ứng đồ sứ Quảng Đông cho kinh đô Đại Việt.

Đặc biệt, việc phát hiện các tiêu bản bát có ghi bốn chữ Hán viết tay "Chí Hòa nguyên niên" (至和元年) tại xác tàu Lingga đã cung cấp một "cột mốc vàng" về niên đại tuyệt đối cho dòng gốm này: năm 1054 dưới triều vua Tống Nhân Tông. Kết hợp với các đồng xu niên hiệu Chính Hòa (政和) (thế kỷ XII) được tìm thấy cùng lô hàng (NK Koh 2012), tư liệu này cho phép khẳng định chắc chắn rằng những di vật gốm men xanh vẽ nâu sắt lò Tây Thôn tại Thăng Long chính là những sản phẩm tinh hoa của thời Bắc Tống. Việc tìm thấy những di vật thuộc dòng gốm đặc thù này tại trung tâm Hoàng cung Thăng Long không chỉ phản ánh thị hiếu đa dạng của triều đình Lý mà còn khẳng định vị thế của Thăng Long như một thương cảng viễn trình và điểm đến quan trọng của các chuyến tàu buôn hải hành quốc tế trong thế kỷ XI-XII.

3.3. Dòng gốm men nâu đen (Tenmoku và gốm gia dụng)

Trong hệ thống đồ sứ Tống thu thập từ các tầng văn hóa tại Hoàng thành Thăng Long, gốm men nâu đen tuy chiếm tỷ trọng khiêm tốn hơn so với dòng sứ trắng và men ngọc, nhưng lại thể hiện sự đa dạng vượt trội về công năng và loại hình. Sưu tập gốm men nâu được xác lập với tổng số

3.580 hiện vật, bao gồm 10 hiện vật nguyên dáng, 461 mảnh miệng, 2.686 mảnh thân và 428 mảnh đáy. Đáng chú ý, dòng di vật này ghi nhận tới 18 loại hình khác nhau, trải dài từ các vật dụng trà đạo, đồ dùng ăn uống đến các công cụ y tế và đồ chứa chuyên dụng như: bát, đĩa, chén, bát trà, ang, liễn, bình, vò, chậu, lọ, nắp đậy, lư hương, cùng các loại bát và chậu mài thảo dược.

Sự hiện diện với số lượng lớn của nhóm đồ đựng, đặc biệt là các loại vò và chậu với kiểu dáng phong phú, cho thấy gốm men nâu đóng vai trò là nhóm "hàng hóa thực dụng" chủ lực, đáp ứng trực tiếp nhu cầu lưu trữ và sinh hoạt hằng ngày trong Hoàng cung Thăng Long. Ngược lại, các loại hình mang tính chuyên biệt như bát mài thảo dược hay lư hương xuất hiện với số lượng hạn chế, gợi mở về một cơ cấu nhập khẩu có chọn lọc, phục vụ cho những nhu cầu đặc thù của đời sống cung đình.

Bên cạnh đồ gốm gia dụng, gốm men đen thời Tống tìm thấy tại di tích tuy có số lượng không nhiều nhưng lại sở hữu giá trị nghệ thuật đặc sắc bậc nhất. Đó là sưu tập các loại bát trà sáu lòng với hiệu ứng men biến ảo, thường được giới sưu tập quốc tế định danh theo thuật ngữ Nhật Bản là Tenmoku (Thiên Mục). Qua nghiên cứu đối soát kỹ lưỡng và trao đổi chuyên gia gốm sứ Trung Quốc, chúng tôi xác định đây là sản phẩm danh tiếng của hệ thống lò Kiến (Jian yao) thuộc phủ Kiến Ninh (nay là trấn Thủy Cát, Kiến Dương, tỉnh Phúc Kiến). Dù tại Phúc Kiến còn có các lò Mân Hầu và Phúc Thanh cũng sản xuất dòng bát trà men đen, nhưng gốm Kiến điều vẫn khẳng định vị thế "đại diện tiêu biểu" nhờ chất lượng xương gốm đanh chắc, mịn màng và kỹ thuật phủ men điều luyện hơn hẳn (Âu Dương Hy Quân 2005; Tăng Giang và nnk. 2005).

Đặc trưng cốt lõi của gốm Kiến điều là lớp xương gốm dày, sắc men đen sâu thẳm với các hiệu ứng điều biến kỳ ảo như "lông thỏ" (Thỏ hào trần), "giọt dầu loang" (Du trích) hay "vết hạt trai". Tại Hoàng thành Thăng Long, việc phát hiện những mảnh bát trà men lông thỏ tuyệt mỹ niên đại thế kỷ XI-XII là một chỉ dấu văn hóa quan trọng (Hình 16-17). Những di vật này không chỉ là vật dụng thưởng trà, mà còn là bằng chứng thực chứng cho sự hiện diện của văn hóa trà đạo tinh túy trong Hoàng cung Thăng Long - một lối sống thanh tao gắn liền với giới tầng sĩ và tầng lớp trí thức đương thời, tương đồng với dòng chảy của gốm Kiến điều sang Nhật Bản vào thế kỷ XIII (Nguyễn Văn Thoa, Hà Việt Hùng 2012).



Hình 16. Các mảnh của bát trà đạo men đen, lò Kiến (Phúc Kiến), thời Bắc Tống (Nguồn: Bùi Minh Trí)



Hình 17. Bát trà đạo men lông thỏ, lò Kiến (Phúc Kiến), thời Bắc Tống (Nguồn: Sothebys.com)

Việc tìm thấy các tiêu bản Tenmoku cao cấp của lò Kiến từ lòng đất Thăng Long đã hoàn thiện bức tranh về thị hiếu thẩm mỹ của vương triều Lý: một sự cân bằng giữa vẻ đẹp thanh khiết của sứ trắng, sự sang quý của men ngọc và nét huyền bí, tĩnh tại của men đen. Điều này khẳng định Thăng Long không chỉ là một trung tâm chính trị mà còn là một không gian văn hóa tinh hoa, nơi hội tụ và thẩm thấu những giá trị mỹ thuật đỉnh cao nhất của thế giới Đông Á thời bấy giờ.

3.4. Tổng luận về hệ thống đồ sứ Tống tại Hoàng thành Thăng Long

Thông qua việc hệ thống hóa và phân tích chuyên sâu sưu tập đồ sứ Trung Quốc thời Tống tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long, chúng ta có thể xác lập những nhận định tổng quát về diện mạo, quy mô và giá trị thực chứng của nguồn tư liệu đặc biệt quan trọng này.

Thứ nhất: Về quy mô giao thương và mạng lưới cung ứng đa tầng

Số lượng khổng lồ di vật được phát lộ từ các tầng văn hóa (với hơn 38.000 hiện vật thuộc ba dòng men chủ đạo) là minh chứng xác thực cho một lưu lượng giao thương cực kỳ sôi động giữa kinh đô Đại Việt và các trung tâm sản xuất gốm sứ lớn nhất Đông Á đương thời. Việc định danh chính xác nguồn gốc hiện vật từ các "danhiều" trải dài trên năm khu vực hành chính trọng điểm - bao gồm Hà Bắc (lò Định), Giang Tây (Hò Điền, Lạc Mã Kiều), Quảng Đông (Tây Thôn, Bút Giá Sơn), Phúc Kiến (Chương Bình, Đức Hóa, lò Kiến) và Hồ Bắc (Thanh Sơn - Hò Tứ) - đã phác họa nên một "bản đồ địa chính trị - công nghệ" hoàn chỉnh. Thăng Long không chỉ tiếp nhận các dòng gốm xuất khẩu phổ quát mà còn là điểm đến của những sản phẩm tinh hoa bậc nhất, vốn thường được dành riêng cho thị trường nội địa cao cấp hoặc làm quà tặng bang giao.

Thứ hai: Về cấu trúc tiêu dùng phân tầng và thị hiếu thẩm mỹ cung đình

Sự hiện diện đồng thời của các dòng gốm "Quan dụng" (Official wares) thượng hạng như lò Định, lò Diêu Châu hay dòng gốm "diêu biến" của lò Kiến bên cạnh các sản phẩm dân gian thực dụng từ Quảng Đông và Hồ Bắc đã phản ánh một cấu trúc tiêu dùng phân tầng rõ rệt trong không gian Hoàng cung Thăng Long. Thị hiếu của tầng lớp quý tộc Đại Việt thời Lý được xác lập dựa trên sự giao hòa tinh tế giữa tính thanh nhã của sứ trắng, vẻ sang quý của men ngọc bích và nét tĩnh tại, huyền bí của văn hóa trà đạo men đen. Trình độ thưởng lãm mỹ thuật cao cấp này cho thấy sự tương đồng hoàn toàn với các chuẩn mực văn hóa của các đế chế lớn trong khu vực, khẳng định Thăng Long là một trung tâm văn hóa tinh hoa tầm cỡ quốc tế.

Thứ ba: Về vai trò định hướng và sự tự chủ trong tiếp biến công nghệ

Giá trị cốt lõi nhất của sưu tập đồ sứ Tống tại Thăng Long chính là vai trò "mẫu mực" cho sự hình thành và phát triển của gốm sứ cung đình Việt Nam. Các dữ liệu về hình thái học và kỹ thuật chế tác tiên tiến - như kỹ thuật ấn hoa, dịch hoa của Diêu Châu hay sắc men trắng ngà của lò Định, đã trở thành nguồn cảm hứng trực tiếp cho thợ gốm Thăng Long. Tuy nhiên, việc phát hiện các mảnh khuôn in và chông gốm dính ngay tại di tích là bằng chứng thực chứng đắt giá khẳng định: Thăng Long không chỉ là một thị trường tiêu dùng thụ động mà đã vươn lên trở thành một trung tâm sáng tạo công nghệ. Đây chính là "chìa khóa" để luận giải về bước ngoặt tự chủ của nghệ thuật Đại Việt, nơi thợ gốm nội địa vừa thẩm thấu tinh hoa ngoại nhập, vừa khéo léo đưa tâm thức Phật giáo bản địa vào từng đồ án trang trí và sắc diện men, tạo nên một diện mạo rực rỡ, độc lập và đầy bản sắc cho gốm sứ Thăng Long.

4. Thảo luận: Sự giao thoa công nghệ và sự sáng tạo bản địa

Kết quả nghiên cứu hệ thống đồ sứ Tống tại Hoàng cung Thăng Long không chỉ dừng lại ở việc xác lập một danh mục di vật ngoại nhập phong phú, mà quan trọng hơn, nó mở ra cái nhìn xuyên thấu về tiến trình giao thoa công nghệ và bản lĩnh sáng tạo của nền gốm sứ Đại Việt thời Lý - Trần.

4.1. Sự tương đồng về đẳng cấp công nghệ và tiêu chuẩn "đồ sứ đích thực"

Trung Quốc vốn được coi là quốc gia phát minh và đưa kỹ nghệ chế tác đồ sứ đạt đến trình độ tinh mỹ hiếm thấy vào thời Tống với hệ thống Ngũ đại danh điều (Nhữ, Quan, Ca, Quân, Định). Tuy nhiên, những phát hiện khảo cổ học tại Hoàng thành Thăng Long đã cung cấp các minh chứng thực tế không thể phủ nhận về sự ra đời của dòng đồ sứ cao cấp Việt Nam thời Lý - những sản phẩm ngự dụng (Imperial wares) có phẩm cấp và các chỉ số lý hóa hoàn toàn có thể sánh ngang với đồ sứ Tống đương thời.

Để có cơ sở định danh khoa học, việc phân định giữa "đồ gốm sứ" (Stoneware) và "đồ sứ" (Porcelain) đòi hỏi những tiêu chí chuẩn mực khắt khe về mặt vật lý cấu trúc và nhiệt học. Trong khi giới nghiên cứu nghệ thuật trong nước từng đưa ra những phân loại dựa trên cảm tính như "sành xốp", "sành trắng" (Trần Khánh Chương 2004), thì các quốc gia có nền gốm sứ phát triển lâu đời đã sớm xác lập hệ thống phân loại dựa trên các chỉ số định lượng nghiêm ngặt. Tại Nhật Bản, giới chuyên gia phân định bốn cấp độ dựa trên độ cứng của xương gốm và nhiệt độ nung: *doki* (thổ khí), *toki* (đào khí), *sekki* (thạch khí) và *jiki* (từ khí - tức đồ sứ) (Noritake Tsuda 1990). Tương tự, khảo cổ học Thái Lan cũng phân chia dựa trên ngưỡng nhiệt độ lò nung, trong đó đồ sứ (Porcelain) phải đạt ngưỡng nhiệt từ 1.300°C đến 1.450°C (Thammapreechakorn, P et al. 1996).

Dựa trên các hệ quy chiếu quốc tế nêu trên, kết quả nghiên cứu so sánh của chúng tôi cho thấy gốm thời Lý đã vượt qua ranh giới của đồ gốm thông thường để đạt tới trình độ đồ sứ đích thực (True Porcelain) (Bùi Minh Trí 2010; 2021). Mặc dù thư tịch cổ không ghi chép trực tiếp về quy trình sản xuất, nhưng di vật từ lòng đất Hoàng thành Thăng Long đã tự thân lên tiếng thông qua các đặc tính kỹ thuật: với nhiệt độ nung đạt ngưỡng trên 1.250°C, xương gốm được tinh chế từ cao lanh (kaolin) và đất sét trắng đã đạt độ thủy tinh hóa (vitrification) cao, tạo nên cấu trúc đan chắc và tinh khiết tương đương với sản phẩm lò Hồ Điền (Cảnh Đức Trấn).

Đặc biệt, hiện tượng thấu quang (translucency) nhẹ trên một số mẫu bát, đĩa men trắng cao cấp thời Lý là minh chứng xác thực cho một kỹ nghệ chế tác đỉnh cao, tiệm cận với dòng gốm *Qingbai* (thanh bạch - trắng xanh ánh trắng) lừng danh - loại đồ sứ vốn được giới quý tộc Tống đặc biệt ưu chuộng (*Hình 18-19*). Việc xác lập tiêu chuẩn này không chỉ khẳng định một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử công nghệ Đại Việt mà còn cho thấy tư duy thẩm mỹ và năng lực kỹ thuật của thợ gốm Thăng Long đã hoàn toàn làm chủ được các quy trình phức tạp nhất để kiến tạo nên những "trân phẩm" dành riêng cho không gian Hoàng cung.

4.2. Minh chứng từ phân tích thành phần hóa học và đẳng cấp công nghệ

Để xác lập một nền tảng khoa học khách quan và tin cậy nhằm đánh giá vị thế của đồ sứ thời Lý, phương pháp phân tích hóa quang phổ định lượng (*chemical-emission spectral analysis*) đã được chúng tôi triển khai vào năm 2007 (Bùi Minh Trí 2010; 2021). Mục tiêu cốt lõi của tiến trình.



Hình 18. Gốm men trắng, Thăng Long, thời Lý

(Nguồn: Bùi Minh Trí)



Hình 19. Nghiên cứu so sánh cấu tạo xương, men và kỹ thuật tạo chân đế giữa gốm Thăng Long (a) và gốm Hồ Điền (b)

(Nguồn: Bùi Minh Trí)

này là thiết lập sự đối soát định lượng về thành phần xương và men giữa đồ sứ Trung Quốc thời Tống và đồ sứ Việt Nam thời Lý thu thập được từ địa tầng Hoàng thành Thăng Long. Kết quả thu được không chỉ mang lại những nhận thức mới về lịch sử gốm sứ mà còn là bằng chứng khoa học khẳng định sự tương đồng về đẳng cấp công nghệ giữa hai nền văn minh.

Dữ liệu phân tích thành phần xương gốm (body) (Bảng 1) đã mang lại những phát hiện mang tính đột phá. Hai chỉ số quan trọng nhất để định danh tiêu chuẩn đồ sứ là hàm lượng Silica (SiO_2) và Alumina (Al_2O_3) cho thấy sự tương đồng đáng kinh ngạc. Hàm lượng SiO_2 trung bình của đồ sứ Trung Quốc là 71,98%, trong khi của đồ sứ Việt Nam thời Lý đạt 69,70%. Tương tự, hàm lượng Al_2O_3 của đồ sứ Trung Quốc trung bình là 19,60%, còn phía Việt Nam đạt tới 22,68%. Sự chênh lệch giữa các chỉ số này là rất nhỏ, chứng minh rằng ngay từ thế kỷ XI, triều đình nhà Lý đã làm chủ được nguồn nguyên liệu kaolin và sét trắng có đặc tính kỹ thuật tương đương với các vùng lò danh tiếng phương Bắc.

Bảng 1. Kết quả phân tích thành phần xương gốm men trắng Trung Quốc thời Tống và Việt Nam thời Lý khu di tích Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội - BMT2007

TT	Tên hiện vật	Kí hiệu/ Mã số	Thành phần Xương gốm								
			SiO ₂	TiO ₂	Al ₂ O ₃	Fe ₂ O ₃	CaO	MgO	K ₂ O	Na ₂ O	MnO
I	GÓM MEN TRẮNG TRUNG QUỐC, THỜI TỐNG										
1	Mảnh đáy đĩa, men trắng (Qingbai, Hồ Điền, Cảnh Đức Trấn)	BĐ02.D4.L3 MG.TGm.01	70,65	0,01	19,50	1,65	0,89	0,01	3,85	2,70	0,17
2	Mảnh đáy đĩa, men trắng (Qingbai, Lạc Mã Kiều, Cảnh Đức Trấn)	BĐ02.A20.L6 MG.TGm.02	70,25	0,14	19,34	1,93	0,93	0,02	4,62	1,80	0,25
3	Mảnh thân đĩa, men trắng (Qingbai, Hồ Điền, Cảnh Đức Trấn)	BĐ02.A3.L7 MG.TGm.03	71,68	0,01	20,66	1,85	1,03	0,01	4,20	0,05	0,35
4	Mảnh đáy bát, men trắng (Qingbai, Hồ Điền, Cảnh Đức Trấn)	BĐ02.A2.L1 MG.TGm.05	71,24	0,01	20,15	2,27	0,75	0,05	4,20	0,01	0,32
5	Mảnh đáy bát, men trắng ngà (Bát con hươu, Chương Bình, Phúc Kiến)	BĐ02.B6.L3 MG.TGm.06	74,96	0,02	18,55	2,35	0,76	0,25	2,70	0,03	0,25
6	Mảnh đáy bát, men trắng ngà (Bát con hươu, Chương Bình, Phúc Kiến)	BĐ02.D4.L4 MG.TGm.07	73,94	0,43	18,52	2,22	0,43	0,30	3,20	0,01	0,23
7	Mảnh đáy bát chân cao, men trắng ngà (Bút Giá Sơn - Quảng Đông)	BĐ02.A9.L2 MG.TGm.08	72,05	0,02	21,85	1,79	0,32	0,01	2,80	0,87	0,30
8	Mảnh đáy bát, men trắng ngà (Bút Giá Sơn, Quảng Đông)	BĐ02.B3.L2 MG.TGm.10	73,82	0,01	19,54	2,54	0,20	0,01	1,68	2,01	0,01
9	Mảnh đáy bát, men trắng ngà (Chương Bình, Phúc Kiến)	BĐ02.D1.L8 MG.TGm.11	70,82	0,51	18,94	2,61	0,94	1,11	2,10	2,58	0,02
10	Mảnh đáy bát, men trắng ngà (Hồ Tứ, Hồ Nam)	BĐ02.A15.L3 MG.TGm.12	70,43	0,68	18,98	2,35	0,67	1,04	1,61	2,43	0,80
	Trung bình (%)		71,98	0,18	19,60	2,09	0,69	0,28	3,09	1,24	0,27

TT	Tên hiện vật	Kí hiệu/ Mã số	Thành phần Xương gốm								
			SiO ₂	TiO ₂	Al ₂ O ₃	Fe ₂ O ₃	CaO	MgO	K ₂ O	Na ₂ O	MnO
II	GÓM MEN TRẮNG VIỆT NAM, THỜI LÝ										
1	Mảnh thân hộp, men trắng ngà	BĐ02.B16.L3 MG.VGm.01	67,33	0,44	23,56	1,85	0,03	1,07	4,62	0,65	0,10
2	Mảnh thân lọ, men trắng ngà	BĐ02.A1T.L5 MG.VGm.02	69,59	0,06	22,80	1,80	0,01	0,60	3,63	0,67	0,17
3	Mảnh đáy đĩa, men trắng ngà	BĐ02.B3T.L1 MG.VGm.03	72,35	0,03	21,94	1,25	0,54	0,37	1,75	0,74	0,11
4	Mảnh đáy bát, men trắng ngà	BĐ02.A1T.L8 MG.VGm.04	69,25	0,06	23,32	1,80	0,74	0,32	3,85	0,71	0,01
5	Mảnh đáy đĩa, men trắng ngà	BĐ02.C1.L2 MG.VGm.05	76,15	0,01	17,00	1,75	0,75	1,00	2,30	0,80	0,01
6	Mảnh đáy đĩa, men trắng ngà	BĐ02.A3.L5 MG.VGm.06	70,85	0,25	22,67	2,00	0,25	0,24	0,92	0,71	0,01
7	Mảnh đáy đĩa, men trắng ngà	BĐ02.D1.L8 MG.VGm.07	67,20	0,60	24,10	2,36	0,17	0,01	5,61	0,20	0,11
8	Mảnh đáy bát, men trắng ngà	BĐ02.A20.L2 MG.VGm.08	72,34	0,17	23,05	1,66	0,15	0,27	1,80	0,30	0,01
9	Mảnh đáy đĩa, men trắng ngà	BĐ02.B1.L3 MG.VGm.09	64,05	0,25	26,39	2,18	0,57	0,48	4,62	0,60	0,40
10	Mảnh đáy đĩa, men trắng ngà	MG.VGm.10	67,92	0,09	22,00	1,90	0,59	0,02	4,90	1,50	0,10
	Trung bình (%)		69,70	0,19	22,68	1,85	0,38	0,43	3,10	0,68	0,11

Kết quả so sánh:

	SiO ₂	TiO ₂	Al ₂ O ₃	Fe ₂ O ₃	CaO	MgO	K ₂ O	Na ₂ O	MnO
TRUNG QUỐC	71,98	0,18	19,60	2,09	0,69	0,28	3,09	1,24	0,27
VIỆT NAM	69,70	0,19	22,68	1,85	0,38	0,43	3,10	0,68	0,11

Đặc biệt, nghiên cứu thành phần men gốm (glaze) (Bảng 2) đã phản ánh một bước tiến vượt bậc trong công nghệ tinh chế nguyên liệu. Kết quả cho thấy hàm lượng CaO trong men của cả hai dòng gốm đều rất cao (Việt Nam: 8,40%; Trung Quốc: 8,74%). Đáng chú ý hơn cả là chỉ số kiềm (K₂O và Na₂O) đạt mức trung bình 6,34% (Trung Quốc) và 6,29% (Việt Nam). Dữ liệu định lượng này cho phép khẳng định: cả đồ sứ Lý và đồ sứ Tống tại Thăng Long đều thuộc dòng men kiềm vôi. Đây là một phát hiện cực kỳ quan trọng, bởi theo quan điểm của các chuyên gia gốm sứ Trung Hoa (Chu Nhân và nnk. 1973), men kiềm vôi vốn được xem là thành tựu sáng tạo đặc thù của thời Nam Tống. Tuy nhiên, kết quả phân tích này đã chứng minh kỹ nghệ men kiềm vôi đã hiện diện và đạt trình độ thăng hoa ngay từ thời Bắc Tống tại Thăng Long, phản ánh sự tương đồng về trình độ lựa chọn và công nghệ chế tác giữa hai quốc gia.

Bảng 2. Kết quả phân tích thành phần men gốm Trung Quốc thời Tống và Việt Nam thời Lý khu di tích Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội - BMT2007

TT	Tên hiện vật	Kí hiệu/ Mã số	Thành phần Men gốm								
			SiO ₂	TiO ₂	Al ₂ O ₃	Fe ₂ O ₃	CaO	MgO	K ₂ O	Na ₂ O	MnO
I	GÓM MEN TRẮNG TRUNG QUỐC, THỜI TỐNG										
1	Mảnh đáy đĩa, men trắng (Qingbai, Hồ Điền, Cảnh Đức Trấn)	BĐ02.D4.L3 MG.TGm.01	63,48	0,17	16,00	1,70	11,00	1,05	5,25	0,80	0,41

TT	Tên hiện vật	Kí hiệu/ Mã số	Thành phần Men gốm								
			SiO ₂	TiO ₂	Al ₂ O ₃	Fe ₂ O ₃	CaO	MgO	K ₂ O	Na ₂ O	MnO
2	Mảnh đáy đĩa, men trắng (Qingbai, Lạc Mã Kiều, Cảnh Đức Trấn)	BĐ02.A20.L6 MG.TGm.02	64,20	0,27	16,65	1,86	10,40	0,02	4,30	2,50	0,29
3	Mảnh thân đĩa, men trắng (Qingbai, Hồ Điền, Cảnh Đức Trấn)	BĐ02.A3.L7 MG.TGm.03	64,18	0,11	16,80	1,82	10,20	0,66	4,55	0,67	0,67
4	Mảnh đáy bát, men trắng (Qingbai, Hồ Điền, Cảnh Đức Trấn)	BĐ02.A2.L1 MG.TGm.05	64,04	0,05	16,00	2,78	9,00	0,03	6,51	0,66	0,45
5	Mảnh đáy bát, men trắng ngà (Bát con hươu, Chương Bình, Phúc Kiến)	BĐ02.B6.L3 MG.TGm.06	64,64	0,15	15,85	2,69	8,20	0,90	6,36	0,62	0,76
6	Mảnh đáy bát, men trắng ngà (Bát con hươu, Chương Bình, Phúc Kiến)	BĐ02.D4.L4 MG.TGm.07	63,50	0,56	16,25	2,54	7,20	0,98	6,65	1,50	0,48
7	Mảnh đáy bát chân cao, men trắng ngà (Bút Giá Sơn - Quảng Đông)	BĐ02.A9.L2 MG.TGm.08	62,75	0,49	17,00	2,45	9,00	1,20	6,27	0,24	0,38
8	Mảnh đáy bát, men trắng ngà (Bút Giá Sơn, Quảng Đông)	BĐ02.B3.L2 MG.TGm.10	66,17	0,33	16,05	2,77	8,40	1,50	2,28	1,85	0,55
9	Mảnh đáy bát, men trắng ngà (Chương Bình, Phúc Kiến)	BĐ02.D1.L8 MG.TGm.11	65,01	0,52	16,78	2,54	6,54	0,88	4,20	2,46	0,80
10	Mảnh đáy bát, men trắng ngà (Hồ Tứ, Hồ Nam)	BĐ02.A15.L3 MG.TGm.12	65,15	0,58	15,45	2,40	7,50	1,58	3,36	2,13	2,00
	Tổng cộng (%)		64,31	0,29	16,28	2,15	8,74	0,98	5,00	1,34	0,67
II	GÓM MEN TRẮNG VIỆT NAM, THỜI LÝ										
1	Mảnh thân hộp, men trắng	BĐ02.B16.L3 MG.VGm.01	61,33	0,67	18,50	1,73	9,60	1,39	4,62	0,78	1,20
2	Mảnh thân lọ hình cầu, men trắng	BĐ02.A1T.L5 MG.VGm.02	65,25	0,48	17,23	1,66	6,40	1,31	6,60	0,64	0,34
3	Mảnh đáy đĩa, men trắng	BĐ02.B3T.L1 MG.VGm.03	64,23	0,51	16,24	1,61	8,60	1,33	6,50	0,82	0,01
4	Mảnh đáy bát, men trắng	BĐ02.A1T.L8 MG.VGm.04	67,02	0,31	16,45	1,72	7,80	0,47	5,54	0,03	0,40
5	Mảnh đáy đĩa, men trắng	BĐ02.C1.L2 MG.VGm.05	66,75	0,36	16,52	1,86	6,82	1,24	4,85	0,80	0,59
6	Mảnh đáy đĩa, men trắng	BĐ02.A3.L5 MG.VGm.06	67,80	0,42	17,40	1,24	10,36	0,51	0,11*	1,20	0,01
7	Mảnh đáy đĩa, men trắng	BĐ02.D1.L8 MG.VGm.07	62,42	0,68	18,12	1,82	8,63	1,50	5,05	0,66	0,68
8	Mảnh đáy bát chân cao, men trắng	BĐ02.A20.L2 MG.VGm.08	60,06	0,38	20,55	1,75	9,60	0,68	5,61	0,75	0,38
9	Mảnh đáy đĩa, men trắng	BĐ02.B1.L3 MG.VGm.09	63,72	0,59	17,06	2,01	8,24	0,66	6,50	0,71	0,48
10	Mảnh đáy đĩa, men trắng	BĐ02.A1B.L4 MG.VGm.10	65,34	0,38	17,22	1,72	7,93	1,20	5,02	0,72	0,57
	Tổng cộng (%)		64,39	0,48	17,53	1,71	8,40	1,03	5,58	0,71	0,47

Kết quả so sánh

	SiO ₂	TiO ₂	Al ₂ O ₃	Fe ₂ O ₃	CaO	MgO	K ₂ O	Na ₂ O	MnO
TRUNG QUỐC	64,31	0,29	16,28	2,15	8,74	0,98	5,00	1,34	0,67
VIỆT NAM	64,39	0,48	17,53	1,71	8,40	1,03	5,58	0,71	0,47
Chênh lệch	-0,08	-0,19	-1,25	0,44	0,34	-0,05	-0,58	0,63	0,20

Sự tương quan giữa đồ sứ Thăng Long thời Lý và đồ sứ cao cấp lò Hồ Điền (Cảnh Đức Trấn) còn được làm rõ qua các quan sát vi mô về cấu trúc men. Mặc dù cả hai đều sở hữu hệ thống bọt khí phong phú dưới lớp men, nhưng gốm Lý thể hiện một đặc tính riêng biệt với bọt khí có kích thước đa dạng, tập trung nhiều ở vành thân sát đế, tạo nên độ óng mịn đặc thù và triệt tiêu các vết rạn kính thường thấy trên gốm Hồ Điền. Việc đối soát kết quả phân tích xương và men cho thấy đồ sứ trắng thời Lý không chỉ vượt xa các dòng gốm dân gian như lò Tây Thôn, Bút Giá Sơn hay Thanh Sơn - Hồ Tứ, mà đã đạt tới trình độ kỹ thuật tương đương với "đóa hoa kỳ mỹ" của sứ Tống là lò Hồ Điền. Những dữ liệu hóa học và vật lý này là minh chứng đắt giá khẳng định: từ thời Lý, Việt Nam đã kiến tạo được một nền sản xuất đồ sứ đích thực với chất lượng đạt đến độ hoàn mỹ, song hành cùng những đỉnh cao công nghệ của thế giới Đông Á đương thời.

4.3. Bản sắc bản địa và tâm thức Phật giáo trong nghệ thuật gốm sứ Thăng Long

Mặc dù tiếp thụ sâu sắc những tinh hoa kỹ nghệ từ các trung tâm gốm sứ phương Bắc, gốm sứ Thăng Long vẫn khẳng định một bản sắc riêng biệt, không thể hòa lẫn thông qua tư duy chọn lọc và sáng tạo đồ án trang trí. Nếu gốm sứ thời Tống phản ánh thị hiếu của tầng lớp Nho sĩ với sự phổ quát của văn hoa cúc - biểu tượng của sự thanh cao, ẩn dật - thì thợ gốm Thăng Long thời Lý lại ưu tiên tôn vinh hoa sen và hoa mẫu đơn theo một phong thái hoàn toàn khác biệt.

Trong bối cảnh Phật giáo được triều đình nhà Lý tôn sùng làm quốc giáo, là nền tảng tư tưởng để xây dựng quốc gia thái bình, thịnh trị và thân dân, hoa sen đã trở thành biểu tượng trung tâm trong mỹ thuật cung đình. Nghệ thuật chạm khắc hoa sen trên đồ sứ Thăng Long không dừng lại ở việc mô phỏng thiên nhiên mà đã đạt đến độ hiện thực đầy sức sống, hàm chứa vẻ đẹp tao nhã, thanh khiết của tư tưởng giải thoát. Trên cả ba dòng men chủ đạo (trắng, ngọc và xanh lục), hình tượng hoa sen hiện lên với những cánh hoa mập mạp, uốn lượn mềm mại, mang đậm dấu ấn của nghệ thuật tạo hình thời Lý - một diện mạo mỹ thuật độc lập, phản ánh tâm thức hướng thiện và hào khí tự cường của con người Đại Việt.

Sự sáng tạo bản địa còn được minh chứng qua khả năng "tiếp biến sáng tạo" (Creative Adaptation) các kỹ thuật ngoại nhập phức tạp. Bằng chứng xác thực từ các mảnh khuôn in và chồng gốm dính thu thập được tại Hoàng thành Thăng Long đã phủ nhận quan điểm về một sự tiêu dùng thụ động. Thời kỳ này, các nghệ nhân lò quan Thăng Long đã biến những ảnh hưởng từ lò Định hay Diệu Châu thành những chất liệu hay nguồn cảm hứng để xây dựng nên một nền nghệ thuật gốm sứ hoàng kim. Trong khi gốm Diệu Châu sử dụng kỹ thuật in khuôn (ấn hoa) cho đồ án hoa cúc dây chủ yếu trên dòng men ngọc, thì thợ gốm Lý đã bộc lộ bản lĩnh khi triển khai đồ án này một cách đồng bộ trên cả gốm men trắng và men xanh lục với những biến tấu hoa văn tinh mỹ, phù hợp với gu thẩm mỹ riêng biệt của tầng lớp vương triều Thăng Long.

Đặc biệt, việc so sánh giữa hoa mẫu đơn trên gốm Diệu Châu và gốm Thăng Long đã làm nổi bật tính bản địa sắc nét. Dù cùng sử dụng kỹ thuật "dịch hoa" (chạm khắc nổi), nhưng hoa mẫu đơn trên gốm Lý thường được thể hiện với đường nét tả thực sinh động, các chi tiết được chải kỹ

bên trong cánh hoa tạo khối mềm mại, khác biệt với lối tạo hình có phần tĩnh tại của gốm phương Bắc. Chính sự kết hợp giữa đẳng cấp kỹ thuật tiệm cận đồ sứ Tống và tâm thức văn hóa bản địa đã đưa gốm sứ Thăng Long thời Lý không chỉ đơn thuần là những vật dụng ngự dụng, mà còn là những tác phẩm nghệ thuật truyền tải thông điệp về một vương triều hưng thịnh, nhân văn và tự chủ. Bước ngoặt này đã đóng góp một chương rực rỡ vào dòng chảy văn minh gốm sứ khu vực, xác lập vị thế của Việt Nam như một trung tâm sản xuất đồ sứ cao cấp trong lịch sử Đông Á.

5. Kết luận: Từ di vật khảo cổ đến đẳng cấp vương triều

Hệ thống đồ sứ Trung Quốc thời Tống tìm thấy tại Hoàng thành Thăng Long là một sưu tập di vật đồ sộ, không chỉ về quy mô định lượng mà còn ở giá trị biểu tượng cho một giai đoạn hoàng kim của giao thương Đông Á. Kết quả nghiên cứu thực chứng bước đầu đã cho phép chúng ta vén mở lớp sương mù thời gian, xác lập một bản đồ nguồn gốc trải rộng trên 12 hệ thống lò lớn thuộc 7 đơn vị địa lý hành chính trọng điểm từ phía Bắc (Hà Bắc, Thiểm Tây) đến miền Trung và duyên hải phía Nam Trung Hoa (Giang Tây, Hồ Bắc, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông).

5.1. Thăng Long - Điểm hội tụ của những "Tuyệt phẩm danh điều"

Việc định danh chính xác sự hiện diện của các dòng sứ trắng, men ngọc và men đen từ những trung tâm sản xuất tinh hoa nhất đã khẳng định vị thế "trung tâm điều phối và tiêu dùng" của kinh đô Thăng Long. Đặc biệt, sự xuất hiện của những di vật thuộc "Ngũ đại danh điều" - từ sắc trắng ngà thanh tao của lò Định, xanh thiên thanh của lò Nhữ, đến men rạn Ca diêu hay men điều biến lò Quân - không chỉ là minh chứng cho một thị hiếu thẩm mỹ thượng lưu, mà còn là chỉ dấu quan trọng về mối quan hệ ngoại giao và giao thương đặc biệt cao cấp giữa triều đình Lý và nhà Tống. Những hiện vật này không đơn thuần là hàng hóa, mà dường như là những quà tặng bang giao mang thông điệp về sự công nhận đẳng cấp giữa hai vương triều.

5.2. Bước ngoặt tự chủ và đẳng cấp "Đồ sứ đích thực" Việt Nam

Phát hiện mang tính đột phá và giàu sức thuyết phục nhất của công trình nghiên cứu này chính là việc xác lập vị thế "đồ sứ đích thực" của gốm sứ thời Lý. Thông qua các dữ liệu định lượng hóa quang phổ về thành phần xương và men (hàm lượng SiO_2 , Al_2O_3 và công nghệ men kiềm vôi), nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng khoa học để khẳng định: ngay từ thế kỷ XI, Việt Nam đã kiến tạo thành công một nền sản xuất đồ sứ ngự dụng có phẩm cấp tương đương với lò Hồ Điền (Giang Tây). Sự tương đồng về đẳng cấp công nghệ, từ nhiệt độ nung trên 1.250°C đến khả năng thấu quang của thai cốt, đã phản ánh năng lực tiếp biến và làm chủ kỹ thuật đỉnh cao của thợ gốm Thăng Long. Điều này cho thấy Đại Việt thời Lý không chỉ là nơi tiếp nhận tinh hoa phương Bắc mà đã vươn lên trở thành một thực thể đối trọng về mặt công nghệ và mỹ thuật trong khu vực.

5.3. Tâm thức Phật giáo và Bản sắc thẩm mỹ độc lập

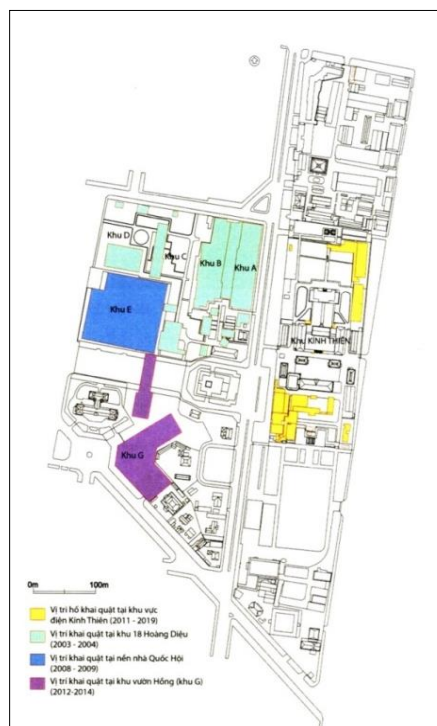
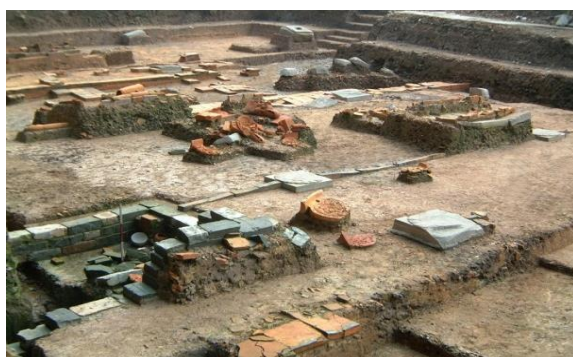
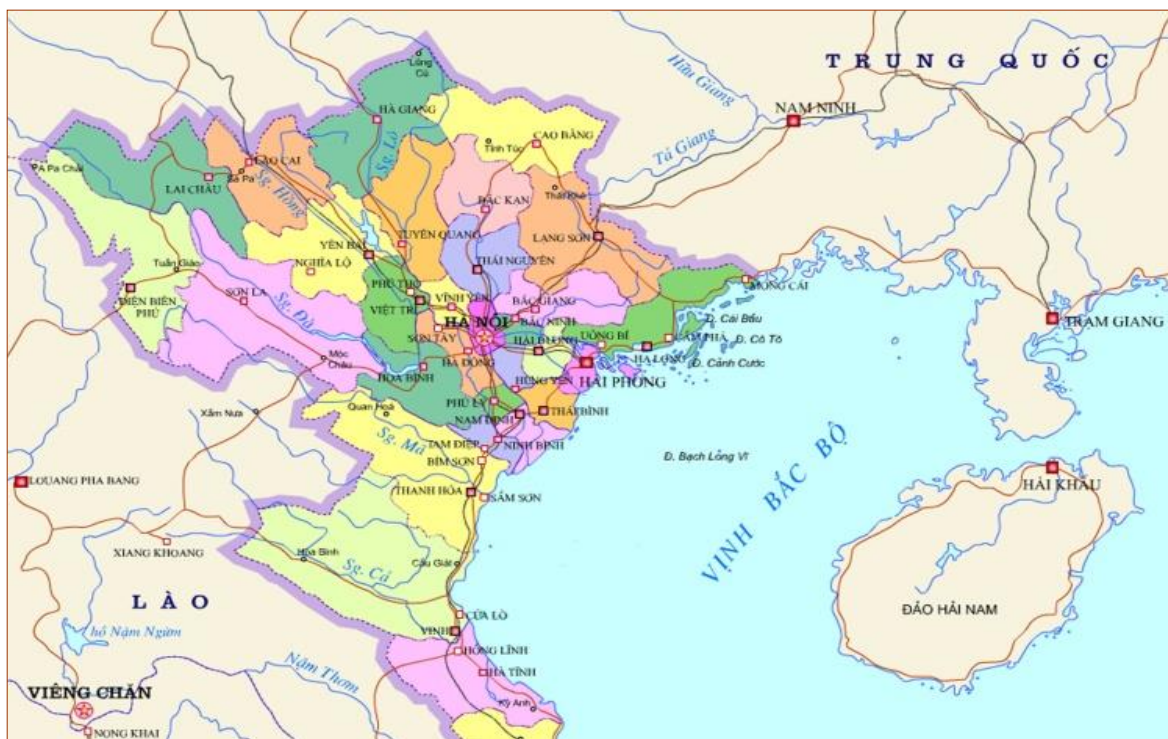
Dù chịu ảnh hưởng sâu sắc về kỹ thuật trang trí "ấn hoa" hay "dịch hoa" từ các lò Diêu Châu hay Hồ Điền, gốm sứ Thăng Long đã khéo léo chuyển hóa những mẫu mực ngoại nhập thành ngôn ngữ bản địa. Việc ưu tiên tôn vinh đồ án hoa sen - biểu tượng cốt lõi của quốc giáo Phật giáo - trên cả ba dòng men chủ đạo đã tạo nên một diện mạo mỹ thuật riêng biệt, thuần khiết và đậm tính nhân văn của con người Đại Việt. Đây chính là minh chứng cho sự tự chủ về văn hóa: thợ gốm Thăng Long đã dùng kỹ thuật ngoại nhập để kể câu chuyện về tâm thức Việt, tạo nên một dòng chảy nghệ thuật độc lập và rực rỡ trong lịch sử gốm sứ Đông Á.

Tóm lại, những phát hiện đồ gốm Trung Quốc thời Tống tại Thăng Long đã mở ra một chân trời mới trong việc nghiên cứu lịch sử kinh tế và ngoại giao vương triều. Công trình này không chỉ góp phần giải mã nguồn gốc các sưu tập hiện vật mà còn khẳng định một sự thật lịch sử: thời Lý chính là kỷ nguyên khai sáng của công nghệ chế tác đồ sứ Việt Nam. Đó là giai đoạn mà trí tuệ và tài năng của các nghệ nhân Thăng Long đã đưa vị thế quốc gia đạt đến tầm vóc mới, kiến tạo nên những giá trị di sản trường tồn, góp phần làm rạng danh nền văn minh Đại Việt trong dòng chảy lịch sử văn minh châu Á.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Âu Dương Hy Quân. 2005. *Lò Phúc Thanh*. Nxb. Mỹ thuật Phúc Kiến. 欧阳希君著, 主编叶文程, 执行主编欧阳希君: 中国福建古陶瓷标本大系, 福清窑. 福建美术出版社 2005 年 9 月.
- Bảo tàng Quảng Đông. 1981. *Báo cáo khai quật di chỉ lò Bút Giá Sơn - Triều Châu thời Tống*. Nxb. Văn vật. 广东省博物馆编, 潮州笔架山宋代窑址发掘报告, 文物出版社 1981 年 5 月.
- Bùi Minh Trí. 2006. “Nét đẹp của đồ gốm sứ trong Hoàng cung Thăng Long (Chương IV)”. Trong *Hoàng thành Thăng Long*. Nxb. Văn hóa Thông tin: 65-97.
- Bùi Minh Trí. 2010. “Gốm Việt Nam thời Lý”. *Khảo cổ học*, số 1: 69-74.
- Bùi Minh Trí. 2016. *Những khám phá khảo cổ học dưới lòng đất Nhà Quốc hội*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Bùi Minh Trí. 2021. “Gốm Tống - Trung Quốc trong Hoàng cung Thăng Long”. Trong Bùi Minh Trí (chủ biên), *Kinh thành cổ Việt Nam - IICS.04*. Nxb. Khoa học xã hội: 12-69.
- Bùi Minh Trí, Kerry - Nguyễn Long. 2001. *Gốm hoa lam Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Chu Nhân, Trương Phúc Khang, Trịnh Vĩnh Phổ. 1973. “Tổng kết khoa học công nghệ chế tạo đồ sứ các thời đại của Long Tuyền”. *Khảo cổ học báo*, số 1 (Bản dịch của Viện Khảo cổ học).
- Dating and connoisseur of ceramic sherds unearthed from the Beijing City*. Cultural Relics Press. 2011.
- Diệp Hồng Minh - Tào Hạc Minh. 1978. “Về cách xem xét đồ sứ nước ta”. *Văn vật*, số 10: 84-87 (Bản dịch của Viện Khảo cổ học).
- Gao Xianping. 2020. “Regional and periodic characteristics on the Jingdezhen’s kiln production during the 9th-14th centuries”. *Kỷ yếu Tọa đàm Khoa học quốc tế “Gốm Tống - Trung Quốc trong Hoàng cung Thăng Long”*.
- Ho Chuimei (edited). 1990. *Ancient Ceramic Kiln Technology in Asia*. Centre of Asian Studies University of Hong Kong.
- Hoàng Phú Liên. 2005. *Lò Quang Trạch*. Nxb. Mỹ thuật Phúc Kiến. 黄富莲著, 主编叶文程, 执行主编欧阳希君: 中国福建古陶瓷标本大系, 光泽窑. 福建美术出版社 2005 年 9 月.
- John Stevenson and John Guy. 1997. *Vietnamese Ceramics. A Separate Tradition*. Art Media Resources with Avery Press.
- La Nghi Sinh. 2005. *Lò Chương Bình*. Nxb. Mỹ thuật Phúc Kiến. 欧阳希君著, 主编叶文程, 执行主编欧阳希君: 中国福建古陶瓷标本大系, 漳平窑. 福建美术出版社 2005 年 9 月.
- Lâm Nguyên Bình. 2005. *Lò Phú Điền*. Nxb. Mỹ thuật Phúc Kiến. 林元平著, 主编叶文程, 执行主编欧阳希君: 中国福建古陶瓷标本大系, 莆田窑. 福建美术出版社 2005 年 9 月.
- Li Bingyan. 2004. *Song Dai Bijia Shan Chaozhou Yao* [宋代笔架山潮州窑: Song Dynasty Chaozhou Kiln at Bijia Shan]. Shantou: Shantou University Press.. 李炳炎, 宋代笔架山潮州窑, 汕头大学出版社 2004 年 5 月.

- Longquan of the World - Longquan Celadon and Globalization. Vol. I. A History of Thousand of Years.* Compiled by the Palace Museum, the Zhejiang Provincial Museum and the Lishui Munnicipal People's Government. The Forbidden City Publishing House. 2019.
- Longquan of the World - Longquan Celadon and Globalization. Vol. II.* State Vessel. Compiled by the Palace Museum, the Zhejiang Provincial Museum and the Lishui Munnicipal People's Government. The Forbidden City Publishing House. 2019.
- Longquan ware. Chinese Celadon Beloved of the Japanese.* Japan. 2012.
- Nguyễn Văn Thoa - Hà Việt Hùng. 2012. “Các dòng gốm sứ cổ Trung Quốc danh tiếng thời Tống – Nguyên”. *Cổ Ngoạn*, số 11.
- NK Koh. 2012. Song Guangdong Trade Ceramics. *Koh-antique.com*.
- Noritake Tsuda. 1990. *Sổ tay Nghệ thuật Nhật Bản*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Palace Museum. 2016. *Dehua Wares Collected by the Palace Museum I*. The Forbidden City Publishing House.
- Palace Museum. 2016. *Dehua Wares Collected by the Palace Museum II*. The Forbidden City Publishing House.
- Palace Museum. 2016. *Ding Ware*. The Forbidden City Publishing House.
- Rita C. Tan (edited) 2017. *Fujian Ware found in the Philippines. Song - Yuan Period. 11th-14th Century*. The Oriental Ceramic Society of the Philippines.
- Rose Kerr. 2009. *Song through 21st Century Eyes - Yaozhou and Qinqai Ceramics*. Meijering Art Book.
- Sharon Wai Yee Wong. 2020. “A Preliminary Study on the Distribution and Consumption of Ceramics in Hongkong during the Song-Yuan period”. *Kỷ yếu Tọa đàm Khoa học quốc tế “Gốm Tống - Trung Quốc trong Hoàng cung Thăng Long”*.
- Tăng Giang, Tăng Kính Viễn, Chu Yên Anh. 2005. *Lò Mân Hâu*. Phúc Kiến. Nxb. Mỹ thuật Phúc Kiến. 曾江, 曾致远, 朱燕英著, 主编叶文程, 执行主编欧阳希君: 中国福建古陶瓷标本大系, 闽侯窑. 福建美术出版社 2005 年 9 月
- Thammapreechakorn, P., Kijngam, A., & Na Nakhon Phanom, S. 1996. *Thai Ceramics: The Art of Foothills and Rice Fields*. Bangkok University Press.
- The Qian Kuan Couple Tombs in Late Tang*. Cultural Relics Press. Beijing. 2012.
- Tổng Trung Tín - Bùi Minh Trí. 2010. *Thăng Long - Hà Nội. Lịch sử nghìn năm từ lòng đất*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Trần Khánh Chương. 2004. *Gốm Việt Nam từ đất nung đến sứ*. Nxb. Mỹ thuật.
- Trần Quyên Anh. 2005. *Lò Hạ Môn*. Nxb. Mỹ thuật Phúc Kiến. 陈娟英著, 主编叶文程, 执行主编欧阳希君: 中国福建古陶瓷标本大系, 厦门窑. 福建美术出版社 2005 年 9 月
- Ủy ban Quản lý Văn vật thành phố Quảng Châu, Bảo tàng Cổ vật Đại học Trung văn Hồng Kông, Trung tâm Nghệ thuật Khảo cổ Trung Quốc, Sở Nghiên cứu Văn hoá Trung Quốc. 1987. *Di chỉ lò Tây Thôn - Quảng Châu*. Đại học Trung văn Hồng Kông xuất bản. 广州西村窑, 广州市文物管理委员会、香港中文大学文物馆, 香港中文大学中国文化研究所中国考古艺术中心 1987
- Vương Văn Kinh. 2005. *Lò Chương Phố* (quyển Thượng và quyển Hạ). Nxb. Mỹ thuật Phúc Kiến. 王文径著, 主编叶文程, 执行主编欧阳希君: 中国福建古陶瓷标本大系, 漳浦窑. 福建美术出版社 2005 年
- Vương Vĩnh Bình. 2005. *Lò Tam Minh*. Nxb. Mỹ thuật Phúc Kiến. 王永平著, 主编叶文程, 执行主编欧阳希君: 中国福建古陶瓷标本大系, 三明窑. 福建美术出版社 2005 年 9 月.



Sơ đồ 1. Sơ đồ khu di tích Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội)

(Nguồn: Bùi Minh Trí)



Bản đồ 1. Bản đồ di chỉ lò gốm thời Tống (Trung Quốc) có sản phẩm tìm thấy tại Hoàng thành Thăng Long
(Nguồn: Bùi Minh Trí)